BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0290
Địa điểm thi: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000010	132340623	LÃ XUÂN AN	13/08/1995	Nữ	x			x	x	x			
2	THV000029	132344453	NGUYỄN THỊ THÚY AN	21/10/1996	Nữ		x					x	x	
3	THV000056	132099703	BÙI ĐỨC ANH	07/10/1996	Nam		x					x	x	
4	THV000131	063481059	ĐINH NGỌC TUẤN ANH	13/04/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000141	061022050	ĐINH VĂN ANH	04/06/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000189	082281589	HOÀNG DIỆU ANH	28/04/1996	Nữ	x			x	x	x			
7	THV000413	132038340	NGUYỄN QUỲNH ANH	22/07/1994	Nam	x			x	x	x			
8	THV000430	132099652	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	26/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
9	THV000486	061018077	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	30/08/1996	Nữ		x					x	x	
10	THV000492	132341344	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	03/06/1996	Nữ	x				x	x			
11	THV000528	063482560	NGUYỄN TUẤN ANH	04/08/1996	Nam	x			x	x	x			
12	THV000563	063454237	NGUYỄN VŨ HOÀNG ANH	07/02/1996	Nữ	x				x	x			
13	THV000566	085080959	NÔNG THỊ LAN ANH	04/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
14	THV000592	063465449	PHẠM THẾ ANH	14/04/1996	Nam		x					x	x	
15	THV000601	132327904	PHẠM THỊ NGỌC ANH	23/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
16	THV000619	132236733	QUÁCH TUẤN ANH	08/03/1996	Nam	x				x	x			
17	THV000639	063439559	TRẦN ĐỨC ANH	10/07/1996	Nam	x			x	x	x			
18	THV000683	061032033	TRẦN THỊ PHƯƠNG ANH	07/07/1996	Nữ	x				x	x			
19	THV000735	132099646	VŨ THỊ KIM ANH	15/11/1996	Nữ	x				x	x			
20	THV000794	045109896	LƯU THỊ DIỆU ÁNH	14/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
21	THV000836	045162784	NÙNG THỊ ÁNH	09/09/1996	Nữ		x					x	x	
22	THV000876	132099379	BÙI VĂN BA	04/05/1995	Nam	x			x	x	x			
23	THV000959	132192252	ĐINH THỊ NGỌC BÍCH	07/07/1992	Nữ	x				x	x			
24	THV001029	132311126	HÀ MẠNH BÌNH	02/05/1996	Nam	x			x	x	x			
25	THV001031	045129837	HÀ VĂN BÌNH	22/09/1996	Nam		x					x	x	
26	THV001035	060844304	HOÀNG VĂN BÌNH	29/08/1988	Nam		x					x	x	
27	THV001101	045128970	LÝ A BỌNG	01/02/1996	Nam		x					x	x	

28	THV001102	132292494	PHÙNG THỊ BỔ	15/02/1996	Nữ	x				x	x			
29	THV001107	061038795	LÈNG ĐỨC BỒNG	27/01/1996	Nam	x			x	x	x			
30	THV001211	063415679	HOÀNG SEO CHÂU	09/11/1996	Nam	x				x	x			
31	THV001246	132330817	ĐỖ HUỆ CHI	18/11/1996	Nữ	x				x	x			
32	THV001248	085061531	ĐỖ LINH CHI	25/11/1995	Nữ	x				x	x			
33	THV001291	132211197	PHAN THỊ YẾN CHI	09/04/1996	Nữ	x				x	x			
34	THV001328	061048176	LÂM HỒNG CHIẾN	10/09/1996	Nam	x				x	x			
35	THV001358	131200165	TRIỆU KHẮC CHIẾN	17/06/1986	Nam	x			x	x	x			
36	THV001370	132294440	HÀ VĂN CHIỀU	11/06/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV001378	132331125	ĐỖ HOÀNG CHINH	10/07/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV001384	132310640	ĐÀO THỊ THÙY CHINH	29/04/1996	Nữ	x				x	x			
39	THV001446	045129319	LÒ VĂN CHÍNH	03/05/1994	Nam		x					x	x	
40	THV001487	045129794	ĐỖ VĂN CHÚC	16/01/1996	Nam		x					x	x	
41	THV001661	063368615	LY A CÙ	08/03/1994	Nam		x					x	x	
42	THV001701	045099764	LÒ VĂN CƯƠNG	26/01/1996	Nam		x					x	x	
43	THV001731	060994872	BÙI VĂN CƯỜNG	10/12/1996	Nam		x					x	x	
44	THV001770	061018007	LÊ ĐỨC CƯỜNG	12/08/1995	Nam		x					x	x	
45	THV001882	060975310	VŨ MẠNH CƯỜNG	18/06/1996	Nam		x					x	x	
46	THV002117	061034574	PHẠM THỊ DUNG	18/03/1996	Nữ		x					x	x	
47	THV002199	045129769	KIỀU THANH DŨNG	27/04/1996	Nam		x					x	x	
48	THV002395	063406074	VŨ KHÁNH DUY	10/02/1996	Nam		x					x	x	
49	THV002397	135492445	VŨ PHƯƠNG DUY	28/10/1995	Nam		x					x	x	
50	THV002758	061081828	NGUYỄN VĂN ĐẠT	25/10/1995	Nam		x					x	x	
51	THV002858	061068482	HOÀNG QUYẾT ĐỊNH	13/02/1996	Nam		x					x	x	
52	THV002883	061000778	SẦM VĂN ĐOÀN	09/01/1996	Nam		x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

2. Chủ tịch Hội đồng coi thi xét duyệt Danh sách thí sinh trong phòng thi, ký xác nhận vào bản danh sách.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0291
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000011	132285384	LÊ ĐỖ VIỆT AN	03/03/1996	Nam		x					x	x	
2	THV000077	060869391	BÙI TUẤN ANH	29/12/1990	Nam		x					x	x	
3	THV000113	063438474	ĐỖ TUẤN ANH	30/04/1994	Nam		x					x	x	
4	THV000291	063449488	LÊ TUẤN ANH	21/02/1995	Nam		x					x	x	
5	THV000342	135677532	NGUYỄN CÔNG ANH	17/07/1994	Nam		x					x	x	
6	THV000947	045125170	TRỊNH ĐỨC BẰNG	15/10/1993	Nam		x					x	x	
7	THV000951	145379605	PHAN CHÍNH BẢY	20/10/1991	Nam		x					x	x	
8	THV000986	045146753	LÒ VĂN BIÊN	08/09/1995	Nam		x					x	x	
9	THV000995	045086913	LƯỜNG VĂN BIỆN	17/03/1994	Nam		x					x	x	
10	THV001007	045137583	CHÂU A BÌNH	07/08/1996	Nam		x					x	x	
11	THV001148	045162426	HOÀNG VĂN CHÀI	20/05/1996	Nam		x					x	x	
12	THV001418	034096000500	PHẠM TRƯỜNG CHINH	12/04/1996	Nam	x			x	x	x			
13	THV001429	063469335	TRẦN THỊ CHINH	18/11/1996	Nữ	x				x	x			
14	THV001454	132307587	NGUYỄN KHẮC CHÍNH	03/01/1995	Nam	x			x	x	x			
15	THV001460	060992134	PHẠM VĂN CHÍNH	01/09/1994	Nam	x				x	x			
16	THV001505	132259094	HOÀNG VĂN CHUNG	03/07/1996	Nam	x			x	x	x			
17	THV001511	045016953	LÒ VĂN CHUNG	21/07/1991	Nam		x					x	x	
18	THV001519	132371000	NGUYỄN THỊ CHUNG	27/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
19	THV001531	132259562	PHAN VĂN CHUNG	11/01/1996	Nam	x			x	x	x			
20	THV001544	063475372	LỒ SEO CHÚNG	14/07/1996	Nam		x					x	x	
21	THV001545	061014988	HOÀNG VĂN CHUÔNG	05/06/1996	Nam	x			x	x	x			
22	THV001563	061046073	NÔNG QUỐC CHỨ	06/07/1996	Nam	x				x	x			
23	THV001577	132238082	BÙI ĐÌNH CÔNG	04/03/1996	Nam	x			x	x	x			
24	THV001591	045127228	HỒ VĂN CÔNG	23/01/1996	Nam		x					x	x	
25	THV001602	063453541	LÊ TUẤN CÔNG	23/03/1995	Nam	x			x	x	x			
26	THV001621	132333655	NGUYỄN THÀNH CÔNG	30/04/1996	Nam	x				x	x			
27	THV001656	132344070	TẠ ĐÌNH CƠ	08/01/1996	Nam		x					x	x	

28	THV001677	132254268	PHAN HOÀNG CÚC	17/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV001705	187059078	NGUYỄN BIÊN CƯƠNG	22/10/1991	Nam		x					x	x	
30	THV001734	132336131	CAO ANH CƯỜNG	07/08/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV001746	132300074	ĐÀM VĂN CƯỜNG	12/08/1996	Nam	x				x	x			
32	THV001755	045129761	HÀ VĂN CƯỜNG	24/11/1996	Nam		x					x	x	
33	THV001757	060845302	HOÀNG BÁ CƯỜNG	04/05/1991	Nam	x			x	x	x			
34	THV001771	132211195	LÊ ĐỨC CƯỜNG	26/09/1995	Nam	x			x					
35	THV001799	132371542	NGUYỄN HÁN CƯỜNG	16/11/1996	Nam	x			x	x	x			
36	THV001860	132306144	TRIỆU TIẾN CƯỜNG	29/09/1995	Nam	x			x	x	x			
37	THV001897	061038632	BẾ THỊ BÍCH DÂNG	10/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
38	THV001914	063437164	LƯU NGỌC DIỄM	26/12/1996	Nữ		x					x	x	
39	THV001953	063449935	LỤC THỊ DIM	27/06/1996	Nữ	x				x	x			
40	THV001965	132257506	NGUYỄN NAM DINH	05/02/1995	Nam	x				x	x			
41	THV001966	060976134	NGUYỄN THỊ DINH	15/05/1996	Nữ	x				x	x			
42	THV002015	132345758	ĐỖ THỊ DUNG	13/08/1996	Nữ	x				x	x			
43	THV002024	132174642	ĐÀO THÙY DUNG	24/01/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV002132	063406666	VÀNG NGỌC DUNG	16/10/1996	Nữ	x			x	x	x			
45	THV002142	063385068	LY SEO DỪNG	25/05/1995	Nam		x					x	x	
46	THV002164	061062858	ĐÀO THIỆN DŨNG	18/01/1996	Nam	x			x	x	x			
47	THV002206	063406169	LÊ TIẾN DŨNG	18/08/1996	Nam	x			x	x	x			
48	THV002311	063435668	DƯƠNG KHÁNH DUY	01/06/1994	Nam		x					x	x	
49	THV002365	060993892	NGUYỄN VĂN DUY	22/05/1995	Nam		x					x	x	
50	THV002820	061046114	HÀ VĂN ĐẲNG	17/10/1995	Nam		x					x	x	
51	THV002836	060997708	HOÀNG NGỌC ĐIỆP	09/05/1993	Nam		x					x	x	
52	THV002844	061022214	NÔNG TIẾN ĐIỆP	05/08/1996	Nam		x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0292
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000033	061058778	NGUYỄN VĂN AN	04/10/1996	Nam		x					x	x	
2	THV000328	060994327	MAI THỊ VÂN ANH	19/05/1996	Nữ		x					x	x	
3	THV000332	132301054	NGHIÊM THỊ KIỀU ANH	19/06/1996	Nữ		x					x	x	
4	THV000393	132344153	NGUYỄN NGỌC ANH	28/07/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000519	045091109	NGUYỄN TRUNG ANH	13/05/1994	Nam		x					x	x	
6	THV000631	045069601	TÒNG VĂN ANH	08/06/1994	Nam		x					x	x	
7	THV000663	163212967	TRẦN THẾ ANH	28/03/1992	Nam		x					x	x	
8	THV001081	045199994	TRẦN KHẮC BÌNH	12/03/1994	Nam		x					x	x	
9	THV001352	045069692	PHẠM CHÍ CHIẾN	04/04/1992	Nam		x					x	x	
10	THV001485	060978650	MÃ ĐÌNH CHUẨN	19/11/1994	Nam		x					x	x	
11	THV001592	061058438	HÀ ĐÌNH CÔNG	10/08/1996	Nam		x					x	x	
12	THV001664	040442374	VỪ A CỦA	23/01/1993	Nam		x					x	x	
13	THV001684	045160938	TRIỆU MẠNH CỪ	07/04/1994	Nam		x					x	x	
14	THV001762	045110749	HOÀNG VĂN CƯỜNG	06/06/1993	Nam		x					x	x	
15	THV001784	045016613	LÒ VĂN CƯỜNG	05/10/1990	Nam		x					x	x	
16	THV001785	045160314	LÒ VĂN CƯỜNG	24/10/1995	Nam		x					x	x	
17	THV002186	045134973	HÀNG A DŨNG	03/12/1995	Nam		x					x	x	
18	THV002208	045091716	LÊ VĂN DŨNG	13/09/1994	Nam		x					x	x	
19	THV002223	132331126	NGUYỄN CHÍ DŨNG	27/10/1996	Nam	x			x	x	x			
20	THV002225	061070085	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	07/07/1996	Nam	x			x	x	x			
21	THV002258	132331889	NGUYỄN VIỆT DŨNG	20/03/1996	Nam	x			x	x	x			
22	THV002270	132344884	TẠ ĐỨC DŨNG	09/07/1996	Nam	x			x					
23	THV002277	132214227	TRẦN ĐỨC DŨNG	16/08/1994	Nam	x			x	x	x			
24	THV002278	061030950	TRẦN MẠNH DŨNG	01/12/1995	Nam		x					x	x	
25	THV002358	132301503	NGUYỄN TIẾN DUY	28/08/1996	Nam	x			x	x	x			
26	THV002361	132312596	NGUYỄN VĂN DUY	13/01/1995	Nam	x			x	x	x			
27	THV002413	132292383	HOÀNG THỊ NGỌC DUYÊN	29/08/1995	Nữ	x				x	x			

28	THV002415	063442931	LỰ THỊ DUYÊN	13/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV002450	132344731	TRẦN THỊ KỲ DUYÊN	12/11/1996	Nữ	x				x	x			
30	THV002504	045086619	HOÀNG VĂN DƯƠNG	05/07/1991	Nam		x					x	x	
31	THV002523	132250298	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	07/08/1995	Nam	x				x	x			
32	THV002542	060996138	NGUYỄN THỊ THÚY DƯƠNG	17/09/1996	Nữ	x				x	x			
33	THV002560	132267273	PHAN NGỌC DƯƠNG	27/06/1995	Nam	x			x	x	x			
34	THV002582	045112295	TAO HAI DƯƠNG	18/05/1995	Nam	x			x	x	x			
35	THV002585	132307851	TRẦN HẢI DƯƠNG	28/08/1996	Nam	x				x	x			
36	THV002599	061060758	VŨ TUẤN DƯƠNG	21/09/1996	Nam		x					x	x	
37	THV002632	045107016	NGUYỄN VĂN ĐẠI	28/01/1991	Nam		x					x	x	
38	THV002708	061058382	HOÀNG QUỐC ĐẠT	06/08/1996	Nam		x					x	x	
39	THV002765	063437286	PHẠM TIẾN ĐẠT	27/09/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV002790	132295186	BÙI HẢI ĐĂNG	12/04/1996	Nam	x			x	x	x			
41	THV002853	132258028	ĐINH CÔNG ĐỊNH	16/09/1996	Nam	x			x	x	x			
42	THV002889	045080099	HOÀNG VĂN ĐÓN	12/12/1993	Nam		x					x	x	
43	THV002903	132206145	TRẦN QUỐC ĐỘ	30/10/1995	Nam	x			x	x	x			
44	THV002916	045130444	ĐẶNG PHƯƠNG ĐÔNG	18/06/1996	Nam	x			x	x	x			
45	THV002955	132328635	BÙI HUỲNH ĐỨC	27/09/1996	Nam	x				x	x			
46	THV002980	132292039	ĐẶNG HUỲNH ĐỨC	20/03/1995	Nam	x			x	x	x			
47	THV003073	132344898	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	17/10/1996	Nam	x			x	x	x			
48	THV003083	132332358	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	20/01/1996	Nam	x			x	x	x			
49	THV003091	132245900	NGUYỄN VĂN ĐỨC	18/12/1992	Nam	x			x	x	x			
50	THV003102	132335823	PHAN VĂN ĐỨC	01/10/1993	Nam	x				x	x			
51	THV003180	063437387	CƯ A GIẢ	08/10/1996	Nam	x			x	x	x			
52	THV003211	132343677	ĐÀO TAM GIANG	23/01/1996	Nam	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0293
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000001	132199937	BÙI ĐỨC AN	05/04/1992	Nam		x					x	x	
2	THV000134	132108450	ĐINH THẾ ANH	18/07/1996	Nam		x					x	x	
3	THV000213	132351042	HOÀNG TUẤN ANH	28/06/1996	Nam		x					x	x	
4	THV000546	132351200	NGUYỄN TUẤN ANH	28/02/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000758	132254408	ĐỖ HỒNG ÁNH	14/01/1996	Nữ		x					x	x	
6	THV000852	063406675	TRẦN NGỌC ÁNH	15/10/1996	Nữ		x					x	x	
7	THV000878	045104667	HÀNG A BA	06/08/1996	Nam		x					x	x	
8	THV000957	132301069	CHU THỊ HỒNG BÍCH	28/04/1996	Nữ		x					x	x	
9	THV001104	132289404	LÊ VĂN BỘ	02/05/1996	Nam		x					x	x	
10	THV001346	063407914	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	27/07/1994	Nam		x					x	x	
11	THV001515	132194545	NGUYỄN CÔNG CHUNG	27/05/1994	Nam		x					x	x	
12	THV001788	060886287	LƯƠNG XUÂN CƯỜNG	19/10/1989	Nam		x					x	x	
13	THV001830	132172160	NGUYỄN THUẬN CƯỜNG	11/10/1993	Nam		x					x	x	
14	THV001898	070897532	ĐẶNG MINH DẬU	06/01/1993	Nam		x					x	x	
15	THV001925	063479703	ĐÀO A DIỀN	21/10/1996	Nam		x					x	x	
16	THV001946	132109645	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	26/06/1996	Nữ		x					x	x	
17	THV002071	132344161	NGUYỄN ĐỨC DUNG	10/09/1996	Nam		x					x	x	
18	THV002082	132253033	NGUYỄN THỊ DUNG	23/03/1996	Nữ		x					x	x	
19	THV002316	151945333	ĐỖ XUÂN DUY	28/10/1993	Nam		x					x	x	
20	THV002467	061014448	VI THỊ DỰ	24/08/1995	Nữ		x					x	x	
21	THV002480	194582319	ĐỖ VĂN DƯƠNG	04/02/1996	Nam		x					x	x	
22	THV002606	063414176	VŨ VĂN DƯỠNG	01/11/1996	Nam		x					x	x	
23	THV002779	135832431	TRẦN TUẤN ĐẠT	01/08/1996	Nam		x					x	x	
24	THV002860	132286151	LÊ VĂN ĐỊNH	13/02/1996	Nam		x					x	x	
25	THV003245	132310923	HOÀNG THỊ GIANG	12/05/1996	Nữ	x				x	x			
26	THV003284	132350082	NGUYỄN HOÀNG GIANG	04/08/1996	Nam	x				x	x			
27	THV003347	060868289	PHÙNG ĐỨC GIANG	20/11/1988	Nam	x				x	x			

28	THV003355	061064812	TRIỆU VĂN GIANG	23/10/1996	Nam	x				x	x			
29	THV003359	132216621	TRẦN HOÀNG GIANG	19/11/1993	Nam	x				x	x			
30	THV003395	132267859	TRƯƠNG CÔNG GIAO	13/05/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV003412	061004550	BÙI MẠNH HÀ	17/10/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV003467	063444597	HOÀNG THỊ THU HÀ	09/10/1996	Nữ	x			x	x	x			
33	THV003500	061007304	NGÔ THỊ HÀ	28/04/1996	Nữ	x			x	x	x			
34	THV003554	061060702	NGUYỄN THỊ THU HÀ	26/10/1996	Nữ	x				x	x			
35	THV003589	132274425	PHAN THỊ THU HÀ	08/03/1996	Nữ	x				x	x			
36	THV003615	063406101	TRÁNG THỊ HÀ	25/08/1996	Nữ	x				x	x			
37	THV003725	061054706	LÒ THỊ HÀ HẢI	11/06/1996	Nữ	x				x	x			
38	THV003735	061056234	MAI TUẤN HẢI	12/11/1996	Nam	x			x	x	x			
39	THV003753	132275790	NGUYỄN NAM HẢI	01/12/1994	Nam	x			x	x	x			
40	THV003776	132245806	NGUYỄN TIẾN HẢI	17/01/1996	Nam	x				x	x			
41	THV003856	132338479	HOÀNG THỊ HẠNH	05/10/1996	Nữ	x			x	x	x			
42	THV003869	063442428	LƯƠNG THỊ HẠNH	26/04/1996	Nữ	x				x	x			
43	THV003878	061034089	NGUYỄN HỒNG HẠNH	12/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV003908	061067655	NGUYỄN TUẤN HẠNH	02/02/1996	Nam	x				x	x			
45	THV003917	060985524	PHÒNG THỊ HỒNG HẠNH	20/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
46	THV003929	132284897	TRẦN THU HẠNH	27/10/1996	Nữ	x				x	x			
47	THV003950	063414193	DƯƠNG THỊ HẢO	27/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
48	THV003980	132238941	BÙI THỊ THU HẰNG	20/07/1996	Nữ	x				x	x			
49	THV004014	132308886	HỨA THỊ THU HẰNG	01/04/1996	Nữ	x			x	x	x			
50	THV004024	063442417	HOÀNG THU HẰNG	19/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV004026	132110344	KIỀU THỊ VÂN HẰNG	02/07/1995	Nữ	x			x	x	x			
52	THV004041	061014584	MÔNG THÚY HẰNG	24/10/1996	Nữ	x				x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0294

Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000191	132277266	HOÀNG KIM ANH	12/07/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000366	012999756	NGUYỄN HOÀNG ANH	23/05/1991	Nam		x					x	x	
3	THV000479	060995294	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	12/01/1995	Nữ		x					x	x	
4	THV000568	132283385	NÔNG VĂN ANH	26/03/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000879	135293597	LÊ XUÂN BA	26/09/1986	Nam		x					x	x	
6	THV001002	045130413	VÀNG VĂN BINH	26/09/1993	Nam		x					x	x	
7	THV001013	132283622	ĐINH ĐỨC BÌNH	24/04/1996	Nam		x					x	x	
8	THV001037	045136278	LÊ ĐĂNG BÌNH	04/01/1994	Nam		x					x	x	
9	THV001067	145468210	NGUYỄN VĂN BÌNH	24/10/1992	Nam		x					x	x	
10	THV001349	151912578	NGUYỄN VIẾT CHIẾN	03/02/1992	Nam		x					x	x	
11	THV001533	132327974	PHẠM THÀNH CHUNG	01/08/1996	Nam		x					x	x	
12	THV001581	132276012	BÙI TIẾN CÔNG	24/09/1996	Nam		x					x	x	
13	THV001713	187324122	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	08/10/1993	Nam		x					x	x	
14	THV001835	045023871	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26/01/1991	Nam		x					x	x	
15	THV001836	045107095	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	26/05/1993	Nam		x					x	x	
16	THV001894	132284658	NGUYỄN ĐÌNH DÂN	13/03/1996	Nam		x					x	x	
17	THV001906	045151471	CỨ A DI	24/11/1994	Nam		x					x	x	
18	THV001955	045150756	TẨN A DÌN	10/07/1995	Nam		x					x	x	
19	THV002170	132284804	ĐINH TRỌNG DŨNG	10/06/1995	Nam		x					x	x	
20	THV002185	135647668	HÀ XUÂN DŨNG	03/04/1995	Nam		x					x	x	
21	THV002298	060992965	VI VĂN DŨNG	23/09/1995	Nam		x					x	x	
22	THV002834	132284306	ĐINH NGỌC ĐIỆP	12/05/1995	Nam		x					x	x	
23	THV002843	045137443	NÔNG THỊ ĐIỆP	04/12/1996	Nữ		x					x	x	
24	THV002862	045069597	NGUYỄN BÌNH ĐỊNH	25/09/1993	Nam		x					x	x	
25	THV004099	060941319	NGUYỄN THU HẰNG	03/04/1993	Nữ	x			x	x	x			
26	THV004192	132266081	HÀ TIẾN HẬU	19/01/1996	Nam	x			x					
27	THV004211	132360193	NGUYỄN THỊ HẬU	24/04/1996	Nữ	x			x	x	x			

28	THV004275	132278932	HÀ THỊ HIỀN	10/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV004377	085069775	TRIỆU THU HIỀN	03/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
30	THV004404	132273065	HÁN QUỐC HIỂN	24/09/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV004419	045160971	LƯỜNG VĂN HIỆN	10/04/1996	Nam	x				x	x			
32	THV004470	063395008	TRẦN DUY HIỆP	12/02/1995	Nam	x				x	x			
33	THV004537	063401217	HOÀNG NGỌC HIẾU	30/11/1995	Nam	x			x	x	x			
34	THV004561	061056611	NGÔ ĐỨC HIẾU	09/04/1996	Nam	x			x	x	x			
35	THV004600	132266071	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	11/04/1995	Nam	x			x					
36	THV004606	132332409	NGUYỄN TRUNG HIẾU	03/12/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV004627	071031762	NINH TRUNG HIẾU	04/07/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV004633	063440040	PHẠM MINH HIẾU	20/11/1996	Nam	x			x	x	x			
39	THV004710	132278793	ĐINH THỊ THANH HOA	13/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
40	THV004713	045069632	ĐẶNG THỊ HOA	07/06/1993	Nữ	x				x	x			
41	THV004729	132371812	KIỀU THỊ HOA	21/07/1996	Nữ	x				x	x			
42	THV004736	063465378	LÝ NHƯ HOA	13/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
43	THV004773	061058564	PHẠM HỒNG HOA	12/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV004881	063485726	NGUYỄN VĂN HOẠCH	04/10/1995	Nam	x			x	x	x			
45	THV004888	132111144	HÀ THỊ HOÀI	08/09/1995	Nữ	x			x	x	x			
46	THV004895	063413238	LỤC THU HOÀI	24/01/1996	Nữ	x				x	x			
47	THV004926	132317942	BÙI NGỌC HOÀN	01/10/1995	Nữ	x				x	x			
48	THV004985	061058553	ĐÀO HUY HOÀNG	30/10/1996	Nam	x			x	x	x			
49	THV004989	132280460	ĐINH HUY HOÀNG	17/01/1996	Nam	x			x	x	x			
50	THV005061	132243321	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	18/01/1996	Nam	x			x	x	x			
51	THV005068	132234913	PHẠM DUY HOÀNG	26/09/1996	Nam	x				x	x			
52	THV005107	061051484	VŨ NHẬT HOÀNG	14/09/1996	Nam	x				x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0295
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000171	132291560	HÀ NGỌC ANH	24/12/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000181	013445694	HÀ THẾ ANH	10/02/1995	Nam		x					x	x	
3	THV000239	164535042	LÊ HẢI ANH	21/01/1994	Nam		x					x	x	
4	THV000289	132329673	LÊ TUẤN ANH	13/09/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000333	013189791	NGÔ ĐỨC ANH	08/09/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000629	187452613	THÁI VĂN TUẤN ANH	05/05/1994	Nam		x					x	x	
7	THV000633	151929554	TRẦN NGỌC ANH	03/08/1993	Nam		x					x	x	
8	THV000886	187596523	TRẦN XUÂN BÁCH	20/10/1995	Nam		x					x	x	
9	THV000923	187152442	VÕ KHẮC BẮC	20/11/1994	Nam		x					x	x	
10	THV000993	061007200	TRẦN HỮU BIÊN	20/10/1996	Nam		x					x	x	
11	THV001143	151975686	NGUYỄN VĂN CẦN	05/03/1993	Nam		x					x	x	
12	THV001434	122050283	TỐNG MINH CHÍNH	08/09/1995	Nam		x					x	x	
13	THV001435	164515859	PHẠM ĐA CHỊNH	03/04/1994	Nam		x					x	x	
14	THV001449	132326805	NGÔ NGỌC CHÍNH	18/09/1995	Nam		x					x	x	
15	THV001512	132174514	LƯU ĐỨC CHUNG	19/05/1995	Nam		x					x	x	
16	THV001513	174615544	LƯU NGỌC CHUNG	19/01/1995	Nam		x					x	x	
17	THV001514	013050021	NGUYỄN VĂN CHUNG	23/04/1992	Nam		x					x	x	
18	THV001568	132220844	LÊ VĂN CHƯƠNG	19/09/1994	Nam		x					x	x	
19	THV001680	163315018	PHẠM XUÂN CUNG	19/07/1994	Nam		x					x	x	
20	THV001724	174618252	LÊ VĂN CƯỜNG	27/07/1994	Nam		x					x	x	
21	THV001725	017359413	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	12/05/1994	Nam		x					x	x	
22	THV001727	091716910	PHẠM MẠNH CƯỜNG	04/10/1994	Nam		x					x	x	
23	THV001833	132282073	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	22/04/1994	Nam		x					x	x	
24	THV002484	132326714	ĐINH TÙNG DƯƠNG	17/07/1995	Nam		x					x	x	
25	THV005119	132251584	NGUYỄN TRỌNG HỌC	29/04/1995	Nam	x			x	x	x			
26	THV005229	082294980	HOÀNG VĂN HỢP	13/07/1996	Nam	x			x	x	x			
27	THV005234	132273627	PHẠM THỊ BÍCH HỢP	28/01/1996	Nữ	x				x	x			

28	THV005290	045110791	ĐỖ THỊ HUỆ	06/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV005304	061022658	HOÀNG THỊ HUỆ	20/10/1996	Nữ	x				x	x			
30	THV005341	060985310	NÔNG THỊ HUỆ	31/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
31	THV005395	132310786	HÀ CÔNG HÙNG	13/01/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV005413	061064770	HOÀNG VIỆT HÙNG	16/07/1996	Nam	x				x	x			
33	THV005419	063437304	LÂM MẠNH HÙNG	05/04/1996	Nam	x			x	x	x			
34	THV005470	063481499	NGUYỄN MẠNH HÙNG	15/09/1996	Nam	x			x	x	x			
35	THV005480	061030350	NGUYỄN NHƯ HÙNG	21/09/1996	Nam	x			x	x	x			
36	THV005559	132337133	ĐỖ QUANG HUY	17/03/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV005584	135803899	HOÀNG QUỐC HUY	04/03/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV005587	060960848	LĂNG TIẾN HUY	06/09/1992	Nam	x				x	x			
39	THV005599	095207216	LÝ VĂN HUY	12/06/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV005610	061049342	NGUYỄN ĐÌNH HUY	08/12/1997	Nam	x			x	x	x			
41	THV005614	061025078	NGUYỄN NGỌC HUY	01/06/1994	Nam	x			x	x	x			
42	THV005659	132301244	TRẦN QUANG HUY	04/02/1995	Nam	x			x	x	x			
43	THV005670	045130451	VŨ MINH HUY	21/05/1996	Nam	x			x	x	x			
44	THV005673	132301574	VŨ QUANG HUY	24/11/1996	Nam	x			x	x	x			
45	THV005717	061029301	ĐÀO THỊ THANH HUYỀN	20/09/1996	Nữ	x				x	x			
46	THV005763	132299686	KIỀU THỊ THU HUYỀN	16/10/1996	Nữ	x				x	x			
47	THV005831	132298952	NGUYỄN THỊ HUYỀN	25/07/1994	Nữ	x				x	x			
48	THV005832	061007296	NGUYỄN THỊ HUYỀN	26/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
49	THV005837	132211674	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	27/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
50	THV005885	132238994	NGUYỄN THANH HUYỀN	05/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV005950	132264789	TRẦN THỊ THANH HUYỀN	18/08/1994	Nữ	x				x	x			
52	THV005955	132222797	TRẦN THANH THANH HUYỀN	26/03/1994	Nữ	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0296
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000075	070992651	BÙI TUẤN ANH	22/08/1994	Nam		x					x	x	
2	THV000535	063418412	NGUYỄN TUẤN ANH	09/10/1994	Nam		x					x	x	
3	THV001236	045004188	LÒ VĂN CHEN	03/02/1988	Nam		x					x	x	
4	THV001310	045096007	DÀO A CHỈ	21/08/1991	Nam		x					x	x	
5	THV001401	163044272	LƯƠNG VĂN CHINH	10/03/1989	Nam		x					x	x	
6	THV001525	045078972	NGUYỄN VĂN CHUNG	03/08/1993	Nam		x					x	x	
7	THV001723	017113435	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	13/06/1994	Nam		x					x	x	
8	THV001887	187320156	NGUYỄN XUÂN DANH	07/07/1993	Nam		x					x	x	
9	THV001893	045132396	LÙ VĂN DÂN	05/07/1995	Nam		x					x	x	
10	THV001910	063437356	SÙNG THỊ DÍ	10/12/1996	Nữ		x					x	x	
11	THV001924	164549081	VŨ HỒNG DIÊN	23/08/1995	Nam		x					x	x	
12	THV001938	163142856	HOÀNG NGỌC DIỆP	30/10/1992	Nam		x					x	x	
13	THV002006	045162594	MAI VĂN DUẨN	19/10/1994	Nam		x					x	x	
14	THV002139	173923470	LÊ VĂN DŨNG	05/05/1993	Nam		x					x	x	
15	THV002140	174850541	TỐNG MINH DŨNG	07/07/1994	Nam		x					x	x	
16	THV002141	132107924	TRÌNH QUỐC DŨNG	02/09/1993	Nam		x					x	x	
17	THV002336	091841586	NGUYỄN TIẾN DUY	02/08/1995	Nam		x					x	x	
18	THV002369	101186589	PHẠM BÁ DUY	29/03/1995	Nam		x					x	x	
19	THV002486	061040039	ĐẶNG THÙY DƯƠNG	11/08/1996	Nữ		x					x	x	
20	THV002518	132264321	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	20/11/1993	Nam		x					x	x	
21	THV002680	132285751	HOÀNG CÔNG ĐẠT	01/05/1995	Nam		x					x	x	
22	THV002681	060955952	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	05/01/1992	Nam		x					x	x	
23	THV002756	045087136	NGUYỄN VĂN ĐẠT	01/07/1992	Nam		x					x	x	
24	THV002849	151869186	LÊ ĐỨC ĐÌNH	31/08/1992	Nam		x					x	x	
25	THV006065	132315782	NGUYỄN VIỆT HƯNG	13/10/1996	Nam	x			x	x	x			
26	THV006182	061014264	LƯƠNG DIỆU HƯƠNG	26/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
27	THV006192	152186301	NGÔ LAN HƯƠNG	09/12/1996	Nữ	x				x	x			

28	THV006265	132375270	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	25/02/1996	Nữ	x				x	x			
29	THV006274	132375298	NGUYỄN THU HƯƠNG	19/09/1996	Nữ	x				x	x			
30	THV006379	085071439	HOÀNG THU HƯỜNG	17/06/1996	Nữ	x				x	x			
31	THV006380	132228695	KIỀU THÚY HƯỜNG	10/02/1995	Nữ	x			x	x	x			
32	THV006481	132281344	ĐỖ QUANG KHẢI	09/12/1996	Nam	x			x	x	x			
33	THV006635	061067785	NGUYỄN MINH KHIÊM	02/11/1996	Nam	x				x	x			
34	THV006645	063288581	ĐỖ MINH KHOA	13/02/1990	Nam	x			x					
35	THV006711	060981899	NGUYỄN VĂN KIỂM	12/04/1993	Nam	x			x	x	x			
36	THV006715	060975311	DƯƠNG KIM KIÊN	18/10/1995	Nam	x				x	x			
37	THV006720	060863836	ĐÀO TRUNG KIÊN	28/10/1989	Nam	x			x	x	x			
38	THV006749	132268674	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	07/04/1996	Nam	x			x	x	x			
39	THV006779	061023105	PHẠM TRUNG KIÊN	17/12/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV006871	061003335	DƯƠNG THỊ NGỌC LAN	07/07/1996	Nữ	x				x	x			
41	THV006892	132248768	HÀ THỊ PHƯƠNG LAN	10/05/1996	Nữ	x				x	x			
42	THV006952	063442948	PHẠM THỊ NGỌC LAN	27/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
43	THV006974	132265145	VŨ THANH LAN	19/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV006976	063415745	GIÀNG THỊ LÀNG	27/03/1995	Nữ	x				x	x			
45	THV006979	045106026	LÒ THỊ LANH	19/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
46	THV007041	061058567	NGUYỄN TÙNG LÂM	03/02/1996	Nam	x			x	x	x			
47	THV007158	132268707	MAI THANH LIÊM	30/07/1996	Nam	x			x	x	x			
48	THV007200	163236730	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LIÊN	26/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
49	THV007206	063406108	TRÁNG THỊ LIÊN	25/06/1996	Nữ	x				x	x			
50	THV007336	061023641	ĐẶNG NHẬT LINH	26/05/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV007402	063459570	HOÀNG NHẬT LINH	18/07/1995	Nam	x			x	x	x			
52	THV007519	132344132	NGUYỄN HỒ DIỆU LINH	20/09/1996	Nữ	x				x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0297
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000095	132325662	ĐỖ GIANG ANH	02/10/1996	Nam		x					x	x	
2	THV000236	131242078	LÊ ĐỨC ANH	16/02/1989	Nam		x					x	x	
3	THV000244	187572122	LÊ HOÀNG NAM MỸ BẢO ANH	10/12/1994	Nam		x					x	x	
4	THV000290	063338974	LÊ TUẤN ANH	16/01/1991	Nam		x					x	x	
5	THV000293	132211444	LÊ TUẤN ANH	23/11/1994	Nam		x					x	x	
6	THV000556	132170074	NGUYỄN VIỆT ANH	04/07/1991	Nam		x					x	x	
7	THV000570	187396527	PHAN ĐỨC ANH	22/04/1994	Nam		x					x	x	
8	THV000617	132211899	PHÙNG TIẾN ANH	29/04/1994	Nam		x					x	x	
9	THV000745	070905685	VŨ TÚ ANH	31/08/1993	Nam		x					x	x	
10	THV000918	186904433	PHẠM QUỐC BẢO	04/08/1991	Nam		x					x	x	
11	THV001073	122065622	PHẠM VĂN BÌNH	10/05/1992	Nam		x					x	x	
12	THV001087	174322227	TRỊNH VĂN BÌNH	27/11/1993	Nam		x					x	x	
13	THV001537	132258968	QUYẾT ĐỨC CHUNG	02/07/1995	Nam		x					x	x	
14	THV001571	045101832	NGUYỄN QUANG CHƯỜNG	13/07/1993	Nam		x					x	x	
15	THV001640	172918091	THÁI BÁ CÔNG	05/09/1989	Nam		x					x	x	
16	THV001831	174811041	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	08/07/1995	Nam		x					x	x	
17	THV001858	045099448	TÒNG VĂN CƯỜNG	20/05/1994	Nam		x					x	x	
18	THV001964	017218124	NGUYỄN ĐÔN DINH	03/01/1994	Nam		x					x	x	
19	THV001983	061049535	HÀ BÌNH DOÃN	03/10/1996	Nam		x					x	x	
20	THV002000	152065664	LƯU QUANG DU	24/09/1995	Nam		x					x	x	
21	THV002146	187096146	BÙI ĐỨC DŨNG	05/05/1991	Nam		x					x	x	
22	THV002239	132340448	NGUYỄN TIẾN DŨNG	14/04/1996	Nam		x					x	x	
23	THV002615	050855796	ĐINH BẢO ĐẠI	01/10/1992	Nam		x					x	x	
24	THV002763	132271276	PHẠM TIẾN ĐẠT	12/07/1995	Nam		x					x	x	
25	THV007579	132347807	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	05/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
26	THV007621	063465690	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	11/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
27	THV007622	061056637	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	14/12/1996	Nữ	x			x	x	x			

28	THV007732	060994759	TẠ THỊ THÙY LINH	15/11/1996	Nữ	x				x	x			
29	THV007733	132237224	TẠ THỊ THÙY LINH	28/10/1995	Nữ	x				x	x			
30	THV007752	132227694	TRẦN DIỆU LINH	21/10/1996	Nữ	x				x	x			
31	THV007767	061042285	TRẦN MAI LINH	30/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
32	THV007786	132253471	TRẦN THỊ MỸ LINH	30/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
33	THV007871	132342359	NGÔ THỊ KIỀU LOAN	08/03/1996	Nữ	x				x	x			
34	THV007879	132313365	NGUYỄN THỊ LOAN	03/04/1996	Nữ	x				x	x			
35	THV007922	063462055	ĐÀO VĂN LONG	21/08/1996	Nam	x				x	x			
36	THV008091	063485803	LÂM VĂN LỢI	17/10/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV008120	132272432	NGUYỄN THÀNH LUÂN	01/06/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV008209	132193991	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	22/12/1994	Nam	x			x	x	x			
39	THV008289	063439419	NGUYỄN KHÁNH LY	20/12/1996	Nữ	x				x	x			
40	THV008298	060996071	NGUYỄN THỊ LY	07/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
41	THV008322	132306905	TRƯƠNG KHÁNH LY	30/07/1996	Nữ	x				x	x			
42	THV008325	132307311	VŨ THỊ LY	16/08/1995	Nữ	x				x	x			
43	THV008329	060980862	HÀ MINH LÝ	06/04/1996	Nữ	x				x	x			
44	THV008345	132318217	PHAN THỊ LÝ	19/09/1996	Nữ	x				x	x			
45	THV008387	060965760	HOÀNG THANH MAI	09/11/1995	Nữ	x			x	x	x			
46	THV008389	132350480	HOÀNG XUÂN MAI	01/02/1996	Nữ	x				x	x			
47	THV008392	132099662	LÊ THỊ MAI	10/04/1996	Nữ	x				x	x			
48	THV008397	061026425	LÊ THỊ THANH MAI	28/11/1996	Nữ	x				x	x			
49	THV008426	132228533	NGUYỄN THỊ MAI	15/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
50	THV008427	132350116	NGUYỄN THỊ MAI	24/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV008428	132239112	NGUYỄN THỊ MAI	29/08/1996	Nữ	x				x	x			
52	THV008474	060996315	TRẦN THỊ NGỌC MAI	08/07/1996	Nữ	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0298
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000637	184209375	TRẦN ĐỨC ANH	04/04/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000940	061034850	HOÀNG VĂN BẰNG	26/08/1996	Nam		x					x	x	
3	THV001337	112478526	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	08/12/1992	Nam		x					x	x	
4	THV001540	132265218	TRẦN VĂN CHUNG	20/08/1995	Nam		x					x	x	
5	THV001590	132227790	ĐẶNG ĐỨC CÔNG	12/09/1995	Nam		x					x	x	
6	THV001609	073342456	MAI CHÍ CÔNG	10/10/1993	Nam		x					x	x	
7	THV001615	132251496	NGUYỄN KHẮC CÔNG	22/12/1994	Nam		x					x	x	
8	THV001729	132233066	BÙI DUY CƯỜNG	03/11/1995	Nam		x					x	x	
9	THV001775	132091422	LÊ MẠNH CƯỜNG	24/05/1991	Nam		x					x	x	
10	THV001820	132280154	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	24/08/1993	Nam		x					x	x	
11	THV002149	131255140	BÙI VĂN DŨNG	17/02/1990	Nam		x					x	x	
12	THV002166	132042274	ĐINH QUANG DŨNG	04/07/1992	Nam		x					x	x	
13	THV002168	132178618	ĐINH THANH DŨNG	02/02/1994	Nam		x					x	x	
14	THV002190	131465900	HOÀNG ĐỨC DŨNG	03/09/1989	Nam		x					x	x	
15	THV002234	132235199	NGUYỄN TIẾN DŨNG	03/12/1992	Nam		x					x	x	
16	THV002315	132231696	ĐỖ NGỌC DUY	30/08/1994	Nam		x					x	x	
17	THV002333	132287651	LÊ QUÝ DUY	05/10/1995	Nam		x					x	x	
18	THV002348	132188234	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	04/11/1994	Nam		x					x	x	
19	THV002375	135656989	PHẠM KHƯƠNG DUY	28/03/1995	Nam		x					x	x	
20	THV002390	132171622	TRẦN XUÂN DUY	16/09/1991	Nam		x					x	x	
21	THV002559	132287598	PHAN HUY DƯƠNG	20/04/1995	Nam		x					x	x	
22	THV002567	132138948	PHẠM NGỌC DƯƠNG	15/12/1991	Nam		x					x	x	
23	THV002634	132156706	TẠ XUÂN ĐẠI	21/07/1991	Nam		x					x	x	
24	THV002859	132148334	HOÀNG VĂN ĐỊNH	15/02/1992	Nam		x					x	x	
25	THV008549	063439468	NGUYỄN THẾ MẠNH	13/08/1996	Nam	x			x	x	x			
26	THV008577	060978665	TRẦN ĐỨC MẠNH	27/04/1996	Nam	x				x	x			
27	THV008583	132099483	VI HOÀNG MẠNH	02/08/1996	Nam	x			x	x	x			

28	THV008625	063403950	PHÀN TẢ MẨY	20/10/1995	Nữ	x				x	x			
29	THV008663	063480706	DOÃN VĂN MINH	23/03/1996	Nam	x				x	x			
30	THV008742	061000711	NGUYỄN VĂN MINH	14/11/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV008747	063462047	NGUYỄN XUÂN MINH	06/09/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV008754	132254360	PHẠM TUẤN DUY MINH	19/06/1996	Nam	x			x	x	x			
33	THV008886	132266030	DOÃN NGỌC NAM	14/08/1996	Nam	x			x	x	x			
34	THV008938	135882705	KHỔNG VĂN NAM	01/06/1996	Nam	x			x	x	x			
35	THV008943	045087707	LÊ HOÀI NAM	25/09/1993	Nam	x			x	x	x			
36	THV009017	060968711	NGUYỄN TƯỜNG NAM	11/02/1995	Nam	x			x	x	x			
37	THV009029	063485829	NÔNG ĐỨC NAM	21/11/1995	Nam	x			x	x	x			
38	THV009042	061001053	PHẠM THÀNH NAM	29/06/1996	Nam	x			x	x	x			
39	THV009081	061058282	VŨ PHƯƠNG NAM	15/06/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV009171	132343394	NGUYỄN THIÊN NGA	13/08/1996	Nữ	x				x	x			
41	THV009180	132360426	PHẠM THỊ NGUYỆT NGA	07/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
42	THV009219	060963573	NGUYỄN THỊ NGÁT	25/09/1994	Nữ	x			x	x	x			
43	THV009243	063485245	HOÀNG THỊ NGÂN	26/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV009348	132238086	NGUYỄN VĂN NGHĨA	13/12/1996	Nam	x			x	x	x			
45	THV009385	060972417	LƯƠNG THỊ NGOAN	08/09/1994	Nữ	x			x					
46	THV009548	061018353	NGUYỄN VĂN NGỌC	10/02/1996	Nam	x			x	x	x			
47	THV009586	063401907	TRẦN QUANG NGỌC	04/06/1994	Nam	x				x	x			
48	THV009636	045106139	LÒ THỊ NGUYÊN	02/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
49	THV009670	045152609	ĐINH THỊ NHƯ NGUYỆT	05/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
50	THV009685	063450349	LA THỊ NGUYỆT	19/11/1996	Nữ	x				x	x			
51	THV009794	045170343	HÀ VĂN NHẬT	10/10/1996	Nam	x			x	x	x			
52	THV009806	085100259	HOÀNG UYÊN NHI	26/01/1996	Nữ	x				x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0299
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000058	132331239	BÙI HOÀNG ANH	20/09/1994	Nam		x					x	x	
2	THV000338	132285185	NGÔ TUẤN ANH	05/11/1993	Nam		x					x	x	
3	THV000358	132234366	NGUYỄN HẢI ANH	30/06/1994	Nam		x					x	x	
4	THV000369	132097781	NGUYỄN HOÀNG ANH	29/06/1994	Nam		x					x	x	
5	THV000599	132223558	PHẠM THỊ KIỀU ANH	19/05/1995	Nữ		x					x	x	
6	THV000716	132227690	TRẦN VIỆT ANH	18/12/1993	Nam		x					x	x	
7	THV000801	132288410	NGUYỄN NGỌC ÁNH	10/03/1994	Nam		x					x	x	
8	THV001079	132098999	TRẦN CHÍ BÌNH	21/02/1995	Nam		x					x	x	
9	THV001198	132309471	TRỊNH NGỌC CHÂM	23/08/1996	Nữ		x					x	x	
10	THV001201	063415891	VÀNG THỊ CHẨN	20/06/1996	Nữ		x					x	x	
11	THV001483	063415690	HẢNG THỊ CHÚA	28/05/1996	Nữ		x					x	x	
12	THV001501	131467514	DƯƠNG TIẾN CHUNG	30/08/1988	Nam		x					x	x	
13	THV001509	132155668	LÊ ĐỨC CHUNG	02/06/1991	Nam		x					x	x	
14	THV001536	132238108	QUÁCH MẠNH CHUNG	23/12/1994	Nam		x					x	x	
15	THV001569	183748717	TRẦN THANH CHƯƠNG	06/08/1989	Nam		x					x	x	
16	THV001588	132375295	ĐÀO CHÍ CÔNG	26/03/1996	Nam		x					x	x	
17	THV001622	173591780	NGUYỄN TRUNG CÔNG	10/11/1991	Nam		x					x	x	
18	THV001628	132330205	PHAN VĂN CÔNG	03/01/1995	Nam		x					x	x	
19	THV001739	131467551	ĐỖ CAO CƯỜNG	14/10/1988	Nam		x					x	x	
20	THV001863	132309519	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	04/05/1996	Nam		x					x	x	
21	THV002394	132296743	VI QUANG DUY	07/10/1994	Nam		x					x	x	
22	THV002762	132172986	PHẠM TIẾN ĐẠT	01/06/1991	Nam		x					x	x	
23	THV002878	132207591	ĐINH PHÚC ĐOÀN	28/11/1994	Nam		x					x	x	
24	THV002884	132306324	TÔ NGỌC ĐOÀN	14/02/1996	Nam		x					x	x	
25	THV009868	132237862	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	04/01/1996	Nữ	x				x	x			
26	THV009876	063358112	HOÀNG THỊ NHUNG	28/06/1994	Nữ	x			x	x	x			
27	THV009984	063439790	ĐINH THỊ TUYẾT NHƯ	29/02/1996	Nữ	x				x	x			

28	THV010056	085069014	NÔNG THỊ XUÂN NƯƠNG	27/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV010057	045129908	LÒ VĂN OAI	28/08/1995	Nam	x				x	x			
30	THV010091	061022420	HOÀNG THỊ KIM OANH	12/01/1996	Nữ	x			x	x	x			
31	THV010120	132284234	NGUYỄN THỊ MAI OANH	20/01/1995	Nữ	x				x	x			
32	THV010134	063401169	PHẠM THU OANH	10/02/1995	Nữ	x				x	x			
33	THV010145	063405433	VÀNG THỊ OANH	20/08/1996	Nữ	x				x	x			
34	THV010178	063486502	VÀNG A PHÀ	29/05/1996	Nam	x			x	x	x			
35	THV010252	132226560	TRẦN HỒNG PHONG	19/11/1996	Nam	x			x	x	x			
36	THV010268	132313544	HOÀNG CẨM PHÚ	08/10/1996	Nữ	x				x	x			
37	THV010307	135801560	NGUYỄN HÒA PHÚC	16/10/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV010309	061042157	NGUYỄN MINH PHÚC	11/06/1996	Nam	x				x	x			
39	THV010400	132111780	HÀ THỊ PHƯƠNG	11/09/1995	Nữ	x			x	x	x			
40	THV010401	132337305	HÁN THỊ THU PHƯƠNG	01/10/1996	Nữ	x			x	x	x			
41	THV010422	132289059	HOÀNG TRÚC PHƯƠNG	18/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
42	THV010423	122178111	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	01/10/1995	Nam	x			x	x	x			
43	THV010470	132230251	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	11/12/1993	Nữ	x			x	x	x			
44	THV010575	132312561	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	05/05/1995	Nữ	x				x	x			
45	THV010594	061028124	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG	27/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
46	THV010611	063444296	ĐOÀN THỊ KIM PHƯỢNG	08/06/1994	Nữ	x				x	x			
47	THV010624	063437313	LÊ THÁI PHƯỢNG	25/09/1996	Nữ	x				x	x			
48	THV010667	045104836	VÀNG THỊ PHƯỢNG	09/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
49	THV010683	061058215	ĐẶNG VĂN QUẢN	16/02/1996	Nam	x			x	x	x			
50	THV010714	085073697	HOÀNG KIM QUANG	03/06/1996	Nam	x			x	x	x			
51	THV010756	060981682	NGUYỄN XUÂN QUANG	20/03/1995	Nam	x				x	x			
52	THV010784	063400160	VŨ MINH QUANG	26/10/1995	Nam	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0300
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000360	125675527	NGUYỄN HOÀNG ANH	02/12/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000460	132375274	NGUYỄN THỊ LAN ANH	27/06/1996	Nữ		x					x	x	
3	THV000542	063455456	NGUYỄN TUẤN ANH	16/08/1996	Nam		x					x	x	
4	THV000874	132317180	BÙI NGỌC ÂN	23/10/1996	Nam		x					x	x	
5	THV000900	045139233	LÒ VĂN BANH	20/09/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000908	145798039	LƯƠNG NGỌC BẢO	10/01/1995	Nam		x					x	x	
7	THV001009	132375292	ĐỖ ĐỨC BÌNH	20/10/1996	Nam		x					x	x	
8	THV001046	187548181	NGUYỄN BÁ BÌNH	03/10/1995	Nam		x					x	x	
9	THV001049	132237892	NGUYỄN ĐỨC CHÍ BÌNH	15/12/1995	Nam		x					x	x	
10	THV001095	060987632	HOÀNG VĂN BÍNH	09/10/1994	Nam		x					x	x	
11	THV001329	132317645	LÊ ĐÌNH CHIẾN	18/11/1996	Nam		x					x	x	
12	THV001526	152102516	NGUYỄN VĂN CHUNG	05/07/1995	Nam		x					x	x	
13	THV001570	045129532	LÒ VĂN CHƯỜNG	16/08/1996	Nam		x					x	x	
14	THV001626	132307716	NGUYỄN XUÂN CÔNG	23/10/1996	Nam		x					x	x	
15	THV001645	187222153	TRẦN ĐÌNH CÔNG	22/01/1992	Nam		x					x	x	
16	THV001710	060980671	NGUYỄN MINH CƯƠNG	28/08/1995	Nam		x					x	x	
17	THV001719	063512104	TRẦN MẠNH CƯƠNG	10/10/1992	Nam		x					x	x	
18	THV001745	060973178	ĐỖ VĂN CƯỜNG	07/04/1995	Nam		x					x	x	
19	THV001907	060602925	GIÀNG A DI	05/06/1981	Nam		x					x	x	
20	THV002243	132262526	NGUYỄN TIẾN DŨNG	30/09/1996	Nam		x					x	x	
21	THV002505	063442872	HOÀNG VĂN DƯƠNG	11/01/1996	Nam		x					x	x	
22	THV002576	045087817	PHẠM XUÂN DƯƠNG	21/10/1993	Nam		x					x	x	
23	THV002614	151793725	ĐỖ VĂN ĐẠI	07/10/1991	Nam		x					x	x	
24	THV002819	132223947	VŨ ĐÌNH ĐĂNG	26/06/1996	Nam		x					x	x	
25	THV010798	063460514	BÀN VĂN QUÂN	19/12/1996	Nam	x			x	x	x			
26	THV010799	060973994	BÙI ĐỨC QUÂN	04/11/1994	Nam	x			x	x	x			
27	THV010812	132111657	HÀ HỒNG QUÂN	04/11/1993	Nam	x				x	x			

28	THV010965	132301022	HOÀNG VĂN QUYỀN	30/01/1996	Nam	x				x	x			
29	THV010974	132332640	NGUYỄN VĂN QUYỀN	17/01/1996	Nam	x			x	x	x			
30	THV011008	045158085	TAO VĂN QUYẾT	19/09/1996	Nam	x				x	x			
31	THV011011	132336467	TRƯƠNG ĐÌNH QUYẾT	18/05/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV011021	132307881	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	06/12/1995	Nữ	x				x	x			
33	THV011073	060993032	KHUẤT THỊ QUỲNH	23/04/1993	Nữ	x				x	x			
34	THV011093	063410093	LƯƠNG VĂN QUỲNH	08/12/1995	Nam	x				x	x			
35	THV011188	132295268	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	29/03/1996	Nữ	x				x	x			
36	THV011207	132259629	NGUYỄN VĂN QUÝNH	10/01/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV011325	061042704	ĐẶNG THỊ SIM	05/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
38	THV011329	061014597	NÔNG XUÂN SIM	18/01/1996	Nam	x				x	x			
39	THV011355	063419682	HOÀNG VĂN SOÁI	16/02/1995	Nam	x			x	x	x			
40	THV011362	045157080	TÒNG THỊ SON	07/12/1996	Nữ	x				x	x			
41	THV011433	132320345	LÊ HỒNG SƠN	02/07/1996	Nam	x				x	x			
42	THV011486	135784672	NGUYỄN NGỌC SƠN	30/10/1996	Nam	x				x	x			
43	THV011568	061041899	HẢNG THỊ SUA	01/03/1995	Nữ	x				x	x			
44	THV011649	132301613	TRẦN TRỌNG TÀI	14/11/1996	Nam	x			x	x	x			
45	THV011654	063450365	NGUYỄN VĂN TAM	28/03/1996	Nam	x			x	x	x			
46	THV011716	132291634	TRẦN THỊ TÂM	11/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
47	THV011731	063406365	LÈNG THỊ TÂN	24/09/1996	Nữ	x				x	x			
48	THV011751	132344333	NGUYỄN NGỌC TẤN	10/10/1996	Nam	x			x	x	x			
49	THV011827	132316339	VŨ HỒNG THÁI	30/08/1996	Nam	x			x	x	x			
50	THV011904	045069459	PHẠM THỊ THANH THANH	04/11/1994	Nữ	x				x	x			
51	THV011950	061018419	ĐỖ VĂN THÀNH	11/01/1996	Nam	x			x	x	x			
52	THV011996	132350487	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	28/08/1996	Nam	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0301
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000085	135475002	CHU ĐỨC ANH	09/08/1994	Nam		x					x	x	
2	THV000175	132281488	HÀ THẾ ANH	08/08/1992	Nam		x					x	x	
3	THV000219	045156050	KHỔNG THỊ VÂN ANH	14/06/1995	Nữ		x					x	x	
4	THV000420	174185701	NGUYỄN THẾ ANH	28/09/1995	Nam		x					x	x	
5	THV000875	060872913	NÔNG ĐẮNG ÂU	22/11/1991	Nam		x					x	x	
6	THV000891	061040684	TRẦN HOÀNG BÁCH	15/12/1995	Nam		x					x	x	
7	THV000958	132270880	ĐÀO THỊ BÍCH	01/04/1996	Nữ		x					x	x	
8	THV001191	061020638	LÝ NGỌC CHÂM	20/05/1995	Nữ		x					x	x	
9	THV001286	132238851	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI	07/08/1996	Nữ		x					x	x	
10	THV001338	045177003	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	24/10/1996	Nam		x					x	x	
11	THV001344	132072443	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	30/05/1990	Nam		x					x	x	
12	THV001371	063471004	GIÀNG SEO CHIM	29/12/1996	Nam		x					x	x	
13	THV001691	060955111	HÀ ĐÌNH CƯƠNG	01/09/1994	Nam		x					x	x	
14	THV001738	061018403	DƯƠNG PHÚ CƯỜNG	18/04/1994	Nam		x					x	x	
15	THV002014	061028357	ĐỖ HUỆ DUNG	27/09/1996	Nữ		x					x	x	
16	THV002162	132360442	ĐÀO ANH DŨNG	03/04/1996	Nam		x					x	x	
17	THV002309	132318166	CAO NGỌC DUY	06/11/1996	Nam		x					x	x	
18	THV002337	131458506	NGUYỄN BA DUY	08/12/1988	Nam		x					x	x	
19	THV002355	061035404	NGUYỄN THẾ DUY	07/04/1995	Nam		x					x	x	
20	THV002572	061004951	PHẠM TIẾN DƯƠNG	04/04/1995	Nam		x					x	x	
21	THV002622	145303160	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	14/07/1989	Nam		x					x	x	
22	THV002673	163345923	LÊ VĂN ĐẠO	19/08/1995	Nam		x					x	x	
23	THV002745	132051938	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	12/05/1991	Nam		x					x	x	
24	THV002877	060962634	ĐÀO DUY ĐOÀN	19/03/1994	Nam		x					x	x	
25	THV012056	132269886	VŨ ĐỨC THÀNH	22/10/1996	Nam	x				x	x			
26	THV012165	132355537	KIỀU THỊ THẢO	25/07/1996	Nữ	x				x	x			
27	THV012282	132227217	NGUYỄN THỊ THU THẢO	30/11/1996	Nữ	x			x	x	x			

28	THV012300	061042715	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	30/10/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV012301	063391468	PHAN THỊ THẢO	13/08/1995	Nữ	x			x	x	x			
30	THV012342	132300337	TRẦN PHƯƠNG THẢO	04/09/1996	Nữ	x			x	x	x			
31	THV012364	132356368	TRẦN THỊ THANH THẢO	28/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
32	THV012367	061055563	TRẦN THỊ THU THẢO	13/09/1996	Nữ	x				x	x			
33	THV012375	132375378	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	14/09/1996	Nữ	x				x	x			
34	THV012388	132289823	VŨ PHƯƠNG THẢO	26/04/1996	Nữ	x				x	x			
35	THV012432	132215164	BÙI CHIẾN THẮNG	20/07/1995	Nam	x			x	x	x			
36	THV012451	045170680	HÀ VĂN THẮNG	03/03/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV012461	063406072	HÙ VĂN THẮNG	29/09/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV012494	063439209	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	07/05/1994	Nam	x			x	x	x			
39	THV012508	132274424	PHẠM HỮU THẮNG	07/08/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV012511	060973511	PHẠM MẠNH THẮNG	08/12/1995	Nam	x			x					
41	THV012512	061016485	PHẠM NGỌC THẮNG	15/04/1996	Nam	x				x	x			
42	THV012556	132267945	PHAN VĂN THỂ	23/12/1996	Nam	x			x	x	x			
43	THV012572	061067824	TRẦN THỊ THÊU	05/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
44	THV012584	060976160	NGUYỄN MINH THI	27/05/1996	Nữ	x			x	x	x			
45	THV012591	063419379	VŨ ĐÌNH THI	15/01/1995	Nam	x			x	x	x			
46	THV012622	063454582	NGUYỄN QUANG THIỆN	09/08/1996	Nam	x			x	x	x			
47	THV012625	132236932	NGUYỄN THÂN THIỆN	15/09/1996	Nam	x				x	x			
48	THV012705	132257642	BÙI THỊ THOA	13/02/1995	Nữ	x				x	x			
49	THV012745	132325289	VŨ TIẾN THÔNG	25/02/1994	Nam	x			x	x	x			
50	THV012758	061003869	HỨA THỊ THƠM	15/07/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV012813	063458667	LƯƠNG LỆ THU	13/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
52	THV012817	045187029	MÙA THỊ HOẠCH THU	09/09/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0302
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000017	063392382	NGHIÊM THÀNH AN	27/04/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000042	063379396	TRẦN MẠNH AN	11/05/1993	Nam		x					x	x	
3	THV000076	061017398	BÙI TUẤN ANH	02/08/1996	Nam		x					x	x	
4	THV000142	132194528	ĐINH VĂN ANH	24/09/1993	Nam		x					x	x	
5	THV000162	060983867	ĐOÀN THẾ ANH	26/10/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000183	132212838	HÀ TUẤN ANH	28/05/1993	Nam		x					x	x	
7	THV000285	164430411	LÊ TUẤN ANH	02/02/1992	Nam		x					x	x	
8	THV000895	142666145	VŨ XUÂN BÁCH	27/11/1994	Nam		x					x	x	
9	THV000927	060976598	HÀ XUÂN BẮC	26/02/1994	Nam		x					x	x	
10	THV000932	132261503	NGUYỄN THẾ TÂY BẮC	26/06/1994	Nam		x					x	x	
11	THV000946	151908689	TRẦN ĐOÀN BẰNG	29/01/1992	Nam		x					x	x	
12	THV001127	013483100	NGUYỄN ĐỨC CẢNH	05/10/1994	Nam		x					x	x	
13	THV001456	132099607	NGUYỄN VĂN CHÍNH	08/05/1995	Nam		x					x	x	
14	THV001481	060983818	VÀNG A CHUA	04/03/1993	Nam		x					x	x	
15	THV001624	132099608	NGUYỄN VĂN CÔNG	10/10/1993	Nam		x					x	x	
16	THV001715	063344925	PHẠM ĐỨC CƯƠNG	23/01/1994	Nam		x					x	x	
17	THV001795	060941753	NGUYỄN CAO CƯỜNG	17/06/1994	Nam		x					x	x	
18	THV002161	132125434	ĐỖ TUẤN DŨNG	20/10/1990	Nam		x					x	x	
19	THV002364	174152735	NGUYỄN VĂN DUY	20/09/1994	Nam		x					x	x	
20	THV002389	132193709	TRẦN TRỌNG DUY	25/02/1993	Nam		x					x	x	
21	THV002619	063409288	LÊ QUỐC ĐẠI	03/04/1994	Nam		x					x	x	
22	THV002719	132289017	LÊ TIẾN ĐẠT	19/01/1995	Nam		x					x	x	
23	THV002783	132262452	VŨ QUỐC ĐẠT	24/09/1993	Nam		x					x	x	
24	THV002787	135628590	VŨ VĂN ĐẠT	20/08/1995	Nam		x					x	x	
25	THV012822	063449575	NGUYỄN THỊ HÀ THU	02/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
26	THV012826	045162490	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	19/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
27	THV012835	060994554	NGUYỄN THỊ THU	05/11/1996	Nữ	x			x	x	x			

28	THV012836	063440308	NGUYỄN THỊ THU	06/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
29	THV012843	061054826	NGUYỄN THỊ THU	19/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
30	THV012859	045172468	TÒNG THỊ THU	18/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
31	THV012873	063464609	VŨ THỊ HOÀI THU	16/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
32	THV012877	061032610	VƯƠNG THỊ LỆ THU	18/12/1996	Nữ	x				x	x			
33	THV012878	063443754	VƯƠNG THỊ THU	22/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
34	THV012884	061025882	HÀ ĐỨC THUẦN	19/03/1996	Nam	x	x					x	x	
35	THV012892	061068378	ĐỒNG THỊ THUẬN	01/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
36	THV012896	045180296	LÒ THỊ THUẬN	10/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
37	THV012904	045172726	NGUYỄN VĂN THUẬN	10/12/1997	Nam	x	x					x	x	
38	THV012909	063512115	SẦM NINH THUẬN	15/01/1997	Nam	x	x					x	x	
39	THV012921	045160986	HÀ THỊ THUỶ	22/02/1997	Nữ	x	x					x	x	
40	THV012922	063464536	HÀ THU THUỶ	19/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
41	THV012947	061043997	DƯƠNG THỊ THÙY	15/04/1995	Nữ	x			x	x	x			
42	THV012951	063438377	ĐỖ THU THÙY	08/12/1996	Nữ	x				x	x			
43	THV012960	061030974	HÀ THU THÙY	30/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
44	THV012961	061017503	HOÀNG THANH THÙY	27/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
45	THV012962	063471153	LỰ THỊ THÙY	13/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
46	THV012963	063458898	LÂM THỊ THÙY	15/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
47	THV012966	063443288	LÙ THỊ THÙY	27/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
48	THV012970	063491006	NGÔ THỊ THÙY	01/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
49	THV012988	061030570	BÀN THỊ THỦY	12/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
50	THV012990	061035680	BÙI THỊ PHƯƠNG THỦY	26/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
51	THV012998	063499368	ĐỖ THỊ THỦY	07/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
52	THV013005	063443455	GIÀNG THỊ THỦY	12/11/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0303
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000417	063395805	NGUYỄN THẾ ANH	20/06/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000727	063454167	VŨ HOÀNG ANH	05/09/1995	Nam		x					x	x	
3	THV000935	152031813	VŨ LƯƠNG BẮC	16/10/1994	Nam		x					x	x	
4	THV000956	063387972	HOÀNG VĂN BẾN	24/08/1995	Nam		x					x	x	
5	THV000985	164509711	LÊ VĂN BIÊN	03/11/1994	Nam		x					x	x	
6	THV001022	063389037	ĐẶNG VĂN BÌNH	07/08/1995	Nam		x					x	x	
7	THV001393	063501171	HÀ VĂN CHINH	20/11/1991	Nam		x					x	x	
8	THV001457	017172640	NGUYỄN VĂN CHÍNH	09/04/1995	Nam		x					x	x	
9	THV001598	063433991	HOÀNG XUÂN CÔNG	25/12/1994	Nam		x					x	x	
10	THV001689	063391644	BÙI HỮU CƯƠNG	26/07/1994	Nam		x					x	x	
11	THV001692	063407946	HÀ ĐÌNH CƯƠNG	03/06/1994	Nam		x					x	x	
12	THV001735	152208911	CAO VIẾT CƯỜNG	16/10/1995	Nam		x					x	x	
13	THV001872	063273482	TRẦN TRỌNG CƯỜNG	30/10/1989	Nam		x					x	x	
14	THV001875	063501154	TRỊNH HÙNG CƯỜNG	21/09/1993	Nam		x					x	x	
15	THV001954	063385470	THÀO A DÌN	15/04/1994	Nam		x					x	x	
16	THV001984	063395365	ĐỖ NGỌC DOANH	19/07/1993	Nam		x					x	x	
17	THV002147	063434302	BÙI QUANG DŨNG	29/02/1995	Nam		x					x	x	
18	THV002178	063465721	HỒ ANH DŨNG	19/05/1995	Nam		x					x	x	
19	THV002288	168372883	TRẦN VĂN DŨNG	16/01/1993	Nam		x					x	x	
20	THV002459	063344928	LÊ THẾ DUYỆT	07/11/1994	Nam		x					x	x	
21	THV002566	063434013	PHẠM NGỌC DƯƠNG	15/06/1994	Nam		x					x	x	
22	THV002684	132214501	BÙI THÀNH ĐẠT	15/05/1992	Nam		x					x	x	
23	THV002814	063387354	PHẠM HẢI ĐĂNG	16/03/1995	Nam		x					x	x	
24	THV002864	063342238	NGUYỄN NGỌC ĐỊNH	25/10/1992	Nam		x					x	x	
25	THV013006	063496220	GIANG THANH THỦY	07/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
26	THV013016	063480107	HOÀNG THỊ THU THỦY	16/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
27	THV013018	061066547	HOÀNG THỊ THỦY	06/04/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV013020	061076198	HOÀNG THU THỦY	05/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
29	THV013027	045111778	LÒ THỊ THỦY	20/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
30	THV013028	045190674	LÒ THỊ THỦY	27/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
31	THV013031	063468877	LÝ THU THỦY	17/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
32	THV013032	060985332	LÝ VĂN THỦY	26/02/1996	Nam	x				x	x			
33	THV013060	063475374	NGUYỄN THU THỦY	25/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
34	THV013069	063496934	PHAN THỊ THANH THỦY	02/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
35	THV013090	063437456	VÀNG THỊ THỦY	06/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
36	THV013091	045190499	VÀNG THỊ THỦY	16/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
37	THV013095	063467084	VŨ THỊ THANH THỦY	14/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
38	THV013117	061027393	GIÀNG DIỆU THÚY	01/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
39	THV013122	063471206	HOÀNG THỊ THÚY	03/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
40	THV013124	132300403	HOÀNG THỊ THÚY	16/07/1996	Nữ	x				x	x			
41	THV013136	045162364	LÌM THỊ THÚY	27/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
42	THV013146	132351730	NGÔ THỊ THÚY	22/12/1996	Nữ	x				x	x			
43	THV013166	063449519	NGUYỄN THỊ THÚY	18/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
44	THV013170	063444727	NGUYỄN THANH THÚY	18/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
45	THV013199	063476978	VI THỊ THUYẾT	25/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
46	THV013201	061068377	DƯƠNG MINH THƯ	02/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
47	THV013204	045188399	ĐOÀN THỊ HOÀI THƯ	19/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
48	THV013207	061066632	HOÀNG THỊ HỒNG THƯ	28/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
49	THV013213	063491717	LẠI THỊ MINH THƯ	06/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
50	THV013222	063496356	NGUYỄN THỊ KHÁNH THƯ	29/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
51	THV013231	063443368	TRÁNG THỊ THƯ	02/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
52	THV013232	063443706	TRÁNG THỊ THƯ	09/12/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0304
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000021	063404327	NGUYỄN HỮU AN	15/08/1993	Nam		x					x	x	
2	THV000246	063382505	LÊ NGỌC ANH	29/09/1992	Nam		x					x	x	
3	THV000351	060945176	NGUYỄN ĐỨC ANH	11/08/1992	Nam		x					x	x	
4	THV000511	063455298	NGUYỄN THIỆN VIỆT ANH	20/02/1993	Nam		x					x	x	
5	THV000529	063392480	NGUYỄN TUẤN ANH	05/05/1994	Nam		x					x	x	
6	THV000796	060987535	MÔNG VĂN ÁNH	14/02/1994	Nam		x					x	x	
7	THV000832	135415077	NGUYỄN VĂN ÁNH	09/01/1991	Nam		x					x	x	
8	THV000933	063378075	NGUYỄN XUÂN BẮC	19/03/1994	Nam		x					x	x	
9	THV000934	063501827	TRẦN VĂN BẮC	08/06/1993	Nam		x					x	x	
10	THV000941	186884481	LÊ VĂN BẰNG	10/10/1993	Nam		x					x	x	
11	THV000988	063360018	NGUYỄN HUY BIÊN	16/10/1990	Nam		x					x	x	
12	THV001024	063436353	ĐẶNG VĂN BÌNH	27/09/1993	Nam		x					x	x	
13	THV001066	031920544	NGUYỄN VĂN BÌNH	19/07/1994	Nam		x					x	x	
14	THV001534	063391022	PHẠM VĂN CHUNG	03/11/1994	Nam		x					x	x	
15	THV001564	063418585	TRƯƠNG QUANG CHỨC	25/09/1995	Nam		x					x	x	
16	THV001861	063342346	TRẦN CAO CƯỜNG	17/08/1993	Nam		x					x	x	
17	THV002100	063482559	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	15/05/1996	Nữ		x					x	x	
18	THV002308	163334092	BÙI VĂN DUY	03/03/1994	Nam		x					x	x	
19	THV002352	063369737	NGUYỄN NGỌC DUY	28/07/1993	Nam		x					x	x	
20	THV002387	060986269	TRẦN MẠNH DUY	13/01/1994	Nam		x					x	x	
21	THV002472	063377324	BÙI TUẤN DƯƠNG	05/09/1993	Nam		x					x	x	
22	THV002624	145561312	NGUYỄN HOÀNG ĐẠI	14/08/1994	Nam		x					x	x	
23	THV002635	197310341	TRẦN QUỐC ĐẠI	06/02/1994	Nam		x					x	x	
24	THV002712	061020430	HOÀNG TIẾN ĐẠT	16/01/1994	Nam		x					x	x	
25	THV013240	063443467	VÀNG THỊ THƯ	19/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
26	THV013258	063437652	THÀNG VĂN THỰC	02/08/1997	Nam	x	x					x	x	
27	THV013261	045155994	BÙI THỊ THƯƠNG	05/09/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV013262	132328106	BÙI THỊ THƯƠNG	22/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV013271	063492046	HÀ THỊ THU THƯƠNG	05/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
30	THV013275	063497495	LỒ THỊ THƯƠNG	05/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
31	THV013276	063413648	LỒ THỊ THƯƠNG	17/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
32	THV013283	045172620	LÒ THỊ THƯƠNG	05/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
33	THV013284	045172452	LÒ THÌ THƯƠNG	01/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
34	THV013286	045152204	LƯỜNG VĂN THƯƠNG	13/07/1997	Nam	x	x					x	x	
35	THV013298	045172745	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	23/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
36	THV013305	063453238	PHẠM THỊ HỒNG THƯƠNG	12/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
37	THV013306	061066593	PHẠM THỊ THƯƠNG	04/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
38	THV013310	045178007	SỪN VĂN THƯƠNG	09/10/1997	Nam	x	x					x	x	
39	THV013314	063471196	TRẦN THỊ THU THƯƠNG	05/11/1996	Nữ	x			x	x	x			
40	THV013315	063472308	TRẦN THỊ THU THƯƠNG	14/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
41	THV013320	045188329	VŨ THỊ HOÀI THƯƠNG	08/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
42	THV013323	063461960	VŨ THỊ THƯƠNG	22/05/1996	Nữ	x			x	x	x			
43	THV013337	045192114	LÒ VĂN THƯỢNG	11/05/1997	Nam	x	x					x	x	
44	THV013343	045137965	LÒ THỊ TIÊN	10/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
45	THV013344	045119081	LÒ THỊ TIÊN	24/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
46	THV013361	045136237	VŨ THUỶ TIÊN	19/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
47	THV013372	132301502	BÙI QUANG TIẾN	25/02/1996	Nam	x			x	x	x			
48	THV013403	063480287	LÊ QUYẾT TIẾN	07/08/1997	Nam	x	x					x	x	
49	THV013407	061050330	LÝ THỊ TIẾN	28/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
50	THV013445	063413690	PHẠM TRUNG TIẾN	12/02/1997	Nam	x	x					x	x	
51	THV013446	063486700	PHẠM VĂN TIẾN	24/09/1997	Nam	x	x					x	x	
52	THV013461	063464616	HỨA THỊ TIỆN	25/12/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0305
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000008	061003104	HOÀNG TRUNG AN	09/03/1995	Nam		x					x	x	
2	THV000206	061016524	HOÀNG TRẦN ANH	15/10/1995	Nam		x					x	x	
3	THV000235	132320303	LÊ ĐỨC ANH	15/02/1995	Nam		x					x	x	
4	THV000304	187054039	LÔ TUẤN ANH	22/07/1991	Nam		x					x	x	
5	THV000518	063418349	NGUYỄN TRUNG ANH	10/06/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000939	061069619	ĐỖ MẠNH BẰNG	06/09/1994	Nam		x					x	x	
7	THV000982	061015139	ĐINH HẢI BIÊN	07/12/1995	Nam		x					x	x	
8	THV001119	060934182	THÀO A CÁNG	27/02/1993	Nam		x					x	x	
9	THV001316	060940043	GIÀNG A CHÌA	12/09/1992	Nam		x					x	x	
10	THV001332	061017487	LÌM VĂN CHIẾN	17/10/1995	Nam		x					x	x	
11	THV001694	061040804	HÀ TIẾN CƯƠNG	16/04/1995	Nam		x					x	x	
12	THV001708	060813327	NGUYỄN KHẮC CƯƠNG	25/12/1990	Nam		x					x	x	
13	THV001718	060994072	TRẦN KIM CƯƠNG	31/03/1993	Nam		x					x	x	
14	THV001824	060972115	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	18/04/1994	Nam		x					x	x	
15	THV002187	061006824	HOÀNG ANH DŨNG	01/09/1994	Nam		x					x	x	
16	THV002242	060969201	NGUYỄN TIẾN DŨNG	22/08/1990	Nam		x					x	x	
17	THV002250	061021794	NGUYỄN VĂN DŨNG	25/03/1994	Nam		x					x	x	
18	THV002332	060949511	HOÀNG VĂN DUY	05/03/1992	Nam		x					x	x	
19	THV002334	060899543	LƯU KHƯƠNG DUY	06/04/1991	Nam		x					x	x	
20	THV002398	101062814	VŨ VĂN DUY	18/10/1989	Nam		x					x	x	
21	THV002468	060991611	LÒ VĂN DỰA	04/12/1994	Nam		x					x	x	
22	THV002721	173727017	LÊ VĂN ĐẠT	09/07/1994	Nam		x					x	x	
23	THV002764	060942454	PHẠM TIẾN ĐẠT	18/02/1993	Nam		x					x	x	
24	THV002840	060899490	LƯƠNG NGỌC ĐIỆP	20/02/1993	Nam		x					x	x	
25	THV013462	045193049	LƯỜNG VĂN TIỆN	28/09/1997	Nam	x	x					x	x	
26	THV013466	045103370	LÒ THỊ TIẾP	10/06/1996	Nữ	x	x					x	x	
27	THV013481	045172493	HOÀNG THỊ TINH	28/07/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV013483	045177293	ĐỖ HẢI TÌNH	14/11/1996	Nam	x	x					x	x	
29	THV013488	061068361	LÒ THỊ TÌNH	21/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
30	THV013489	045140441	LƯỜNG VĂN TÌNH	01/07/1997	Nam	x	x					x	x	
31	THV013499	063447917	VÙI VĂN TÌNH	09/10/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV013504	063446138	NGÔ VĂN TỈNH	12/04/1997	Nam	x	x					x	x	
33	THV013509	132327214	DƯƠNG THỊ HỒNG TÍNH	05/04/1996	Nữ	x			x	x	x			
34	THV013533	061003326	HOÀNG VĂN TOÀN	05/09/1996	Nam	x			x	x	x			
35	THV013550	132316348	NGUYỄN ĐẶNG TOÀN	06/06/1996	Nam	x				x	x			
36	THV013573	061069604	VŨ MẠNH TOÀN	21/10/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV013595	082300219	LÝ VĂN TOÁN	21/03/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV013596	045162365	LÒ THỊ TOẠN	10/01/1996	Nữ	x	x					x	x	
39	THV013597	061027746	BÀN THỊ TON	06/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
40	THV013601	061013845	MÙA A TỐNG	20/10/1997	Nam	x	x					x	x	
41	THV013618	045119077	TAO VĂN TRÁI	16/10/1994	Nam	x	x					x	x	
42	THV013628	045190132	BÙI THỊ LINH TRANG	23/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
43	THV013638	063465310	DƯƠNG THỊ THU TRANG	25/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
44	THV013646	063443348	ĐỖ MINH TRANG	20/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
45	THV013656	063440003	ĐỖ THỊ THU TRANG	27/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
46	THV013677	063454676	ĐẶNG QUỲNH TRANG	09/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
47	THV013687	063452218	GIÀNG THU TRANG	02/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
48	THV013701	063458883	HÀ THU TRANG	30/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
49	THV013709	061030430	HOÀNG MAI TRANG	24/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
50	THV013713	061033836	HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	28/03/1996	Nữ	x				x	x			
51	THV013736	085068526	LA THỊ TRANG	18/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
52	THV013742	063454536	LÊ KIỀU TRANG	13/05/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0306
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000081	063514268	CAO ĐỨC ANH	15/10/1993	Nam		x					x	x	
2	THV000184	132233433	HÀ VIỆT ANH	01/04/1994	Nam		x					x	x	
3	THV000373	132013968	NGUYỄN KIM ANH	04/11/1991	Nam		x					x	x	
4	THV000558	060996923	NGUYỄN VIỆT ANH	07/12/1993	Nam		x					x	x	
5	THV000707	132312493	TRẦN TUẤN ANH	24/04/1995	Nam		x					x	x	
6	THV000903	060950543	ĐINH VĂN BẢO	05/12/1992	Nam		x					x	x	
7	THV001159	060990233	HẢNG A CHANG	19/03/1993	Nam		x					x	x	
8	THV001162	132216185	NGUYỄN LÊ CHANG	17/12/1994	Nam		x					x	x	
9	THV001351	063442339	NÔNG ĐỨC CHIẾN	09/11/1995	Nam		x					x	x	
10	THV001366	060954795	HOÀNG ĐÌNH CHIÊU	14/10/1992	Nam		x					x	x	
11	THV001633	132308392	PHẠM VĂN CÔNG	11/10/1993	Nam		x					x	x	
12	THV001802	061019350	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	06/09/1994	Nam		x					x	x	
13	THV001823	060994866	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	07/01/1994	Nam		x					x	x	
14	THV001840	061039871	PHAN MẠNH CƯỜNG	28/03/1995	Nam		x					x	x	
15	THV001862	061015743	TRẦN CÔNG CƯỜNG	09/02/1994	Nam		x					x	x	
16	THV001877	132295114	TRỊNH QUỐC CƯỜNG	03/09/1996	Nam		x					x	x	
17	THV002229	082275339	NGUYỄN MẠNH DŨNG	11/10/1994	Nam		x					x	x	
18	THV002241	060941474	NGUYỄN TIẾN DŨNG	20/10/1995	Nam		x					x	x	
19	THV002287	060884912	TRẦN VĂN DŨNG	06/07/1992	Nam		x					x	x	
20	THV002380	132055947	TRẦN ĐỨC DUY	30/04/1990	Nam		x					x	x	
21	THV002391	060995480	TRỊNH KHƯƠNG DUY	02/07/1992	Nam		x					x	x	
22	THV002679	132314950	TRẦN QUANG ĐẠO	10/03/1993	Nam		x					x	x	
23	THV002801	063469770	NGUYỄN GIA ĐĂNG	25/09/1991	Nam		x					x	x	
24	THV002838	060973761	LÊ SỸ ĐIỆP	25/10/1993	Nam		x					x	x	
25	THV013747	061050342	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	08/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
26	THV013748	063512119	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	15/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
27	THV013766	045190224	LÒ THỊ TRANG	03/12/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV013767	063455034	LÙ HẢI TRANG	15/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
29	THV013768	061050354	LÙ THỊ TRANG	21/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
30	THV013773	063485360	LƯƠNG THỊ TRANG	01/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
31	THV013778	063451186	LÝ THỊ TRANG	05/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
32	THV013791	061054639	NGUYỄN HÀ TRANG	30/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
33	THV013792	063443821	NGUYỄN HUYỀN TRANG	01/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
34	THV013810	061052167	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	20/01/1995	Nữ	x			x	x	x			
35	THV013811	063446027	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	22/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
36	THV013851	132273526	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	14/01/1996	Nữ	x				x	x			
37	THV013854	061083878	NGUYỄN THỊ THU TRANG	01/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
38	THV013863	063440359	NGUYỄN THỊ THU TRANG	11/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
39	THV013901	063503999	NGUYỄN THỊ TRANG	16/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
40	THV013904	045162009	NGUYỄN THỊ TRANG	29/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
41	THV013920	045137410	NGUYỄN THUỲ TRANG	25/02/1996	Nữ	x	x					x	x	
42	THV013940	063458639	PHAN THỊ HUYỀN TRANG	14/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
43	THV013944	045158643	PHÌN THỊ TRANG	05/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
44	THV013954	063460564	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	14/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
45	THV013963	063490597	PHẠM THỊ TRANG	16/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
46	THV013976	063458663	PHÙNG THỊ THU TRANG	09/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
47	THV014012	063471162	TRẦN THỊ TRANG	09/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
48	THV014014	063480236	TRẦN THỊ TRANG	21/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
49	THV014026	045104980	VÀNG THỊ TRANG	05/06/1996	Nữ	x				x	x			
50	THV014036	063480602	VŨ THỊ QUỲNH TRANG	09/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
51	THV014040	060987509	VŨ THỊ TRANG	04/09/1993	Nữ	x			x	x	x			
52	THV014042	063468076	VŨ THU TRANG	07/01/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0307
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000012	061056602	LÊ MINH AN	24/07/1996	Nam		x					x	x	
2	THV000023	061062263	NGUYỄN THỊ AN	03/11/1996	Nữ		x					x	x	
3	THV000089	132307914	CÙ NGỌC ANH	09/10/1995	Nam		x					x	x	
4	THV000272	132242009	LÊ THỊ VÂN ANH	05/01/1995	Nữ		x					x	x	
5	THV000308	061020535	LƯƠNG NGỌC ANH	01/02/1996	Nữ		x					x	x	
6	THV000313	061026429	LƯƠNG TRUNG ANH	17/11/1996	Nam		x					x	x	
7	THV000329	132336689	MAI TUẤN ANH	28/05/1995	Nam		x					x	x	
8	THV000374	132243769	NGUYỄN KIM ANH	07/03/1996	Nam		x					x	x	
9	THV000520	061008461	NGUYỄN TÚ ANH	07/05/1996	Nam		x					x	x	
10	THV000771	132294389	HÀ THỊ NGỌC ÁNH	17/07/1996	Nữ		x					x	x	
11	THV000885	132244322	NGUYỄN THÀNH BÁ	23/03/1996	Nam		x					x	x	
12	THV001121	060969287	BÙI XUÂN CẢNH	26/03/1991	Nam		x					x	x	
13	THV001343	132243716	NGUYỄN MINH CHIẾN	15/12/1996	Nam		x					x	x	
14	THV001422	045116766	TỐNG THY CHINH	11/09/1996	Nữ		x					x	x	
15	THV001468	045174010	PỜ CÁ CHỜ	20/10/1992	Nam		x					x	x	
16	THV001502	132292387	HÀ ĐÌNH CHUNG	02/06/1996	Nam		x					x	x	
17	THV001547	132336893	LƯƠNG XUÂN CHUYÊN	01/10/1996	Nam		x					x	x	
18	THV001638	132113859	PHÙNG VĂN CÔNG	22/01/1995	Nam		x					x	x	
19	THV001843	132074648	PHẠM HÙNG CƯỜNG	20/06/1992	Nam		x					x	x	
20	THV001951	132293621	HOÀNG VĂN DIỆU	21/02/1995	Nam		x					x	x	
21	THV002157	061069672	DƯƠNG TRUNG DŨNG	24/10/1996	Nam		x					x	x	
22	THV002204	132336836	LÊ TIẾN DŨNG	06/12/1996	Nam		x					x	x	
23	THV002284	132356399	TRẦN TIẾN DŨNG	15/06/1996	Nam		x					x	x	
24	THV002571	061020534	PHẠM THÙY DƯƠNG	21/03/1996	Nữ		x					x	x	
25	THV014077	061050321	DƯƠNG VĂN TRIỂN	01/05/1997	Nam	x	x					x	x	
26	THV014083	045162503	CHẢO VĂN TRIỆU	02/06/1997	Nam	x	x					x	x	
27	THV014098	061030606	NGUYỄN THỊ TRINH	20/07/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV014109	063443740	THÀO TRINH	20/10/1995	Nam	x	x					x	x	
29	THV014110	045188831	TRÁNG A TRINH	05/12/1997	Nam	x	x					x	x	
30	THV014126	082233672	DƯƠNG VĂN TRỌNG	29/02/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV014128	063392364	ĐẶNG TRẦN TRỌNG	08/04/1995	Nam	x			x	x	x			
32	THV014165	045172474	HOÀNG MẠNH TRUNG	13/03/1997	Nam	x	x					x	x	
33	THV014171	063469979	LÊ QUANG TRUNG	26/05/1997	Nam	x	x					x	x	
34	THV014182	063466737	NGUYỄN DUY TRUNG	07/11/1997	Nam	x	x					x	x	
35	THV014202	132259418	NGUYỄN THÀNH TRUNG	13/06/1996	Nam	x			x	x	x			
36	THV014204	061058386	NGUYỄN THÀNH TRUNG	30/06/1996	Nam	x			x	x	x			
37	THV014213	132314719	NGUYỄN VĂN TRUNG	30/06/1996	Nam	x			x	x	x			
38	THV014217	063485859	NÔNG THÀNH TRUNG	27/10/1997	Nam	x	x					x	x	
39	THV014249	132284819	ĐINH XUÂN TRƯỜNG	06/10/1996	Nam	x			x	x	x			
40	THV014256	061026306	HÀ XUÂN TRƯỜNG	21/01/1996	Nam	x			x	x	x			
41	THV014267	045172241	LÒ VĂN TRƯỜNG	26/11/1997	Nam	x	x					x	x	
42	THV014289	045162016	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	03/02/1997	Nam	x	x					x	x	
43	THV014310	132311687	QUÁN VĂN TRƯỜNG	30/11/1994	Nam	x			x	x	x			
44	THV014322	045192110	VŨ ĐÌNH TRƯỜNG	13/06/1997	Nam	x	x					x	x	
45	THV014330	061082321	GIÀNG A TU	16/08/1997	Nam	x	x					x	x	
46	THV014343	132335260	CAO NGỌC TÚ	12/10/1995	Nam	x				x	x			
47	THV014356	132227956	HÀ ANH TÚ	10/10/1996	Nam	x				x	x			
48	THV014357	045072798	HÀ ANH TÚ	13/10/1994	Nam	x			x	x	x			
49	THV014368	061016734	LƯỜNG CẨM TÚ	17/10/1996	Nữ	x				x	x			
50	THV014389	063501859	NGUYỄN ĐỨC TÚ	09/03/1997	Nam	x	x					x	x	
51	THV014414	060993774	TRẦN ANH TÚ	17/11/1996	Nam	x				x	x			
52	THV014448	061033583	VŨ MẠNH TUÂN	01/08/1996	Nam	x			x	x	x			

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0308
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV000132	132219760	ĐINH THẾ ANH	13/08/1993	Nam		x					x	x	
2	THV000356	132253890	NGUYỄN ĐÔNG ANH	29/10/1996	Nam		x					x	x	
3	THV000421	132228574	NGUYỄN THỊ ANH	10/02/1995	Nữ		x					x	x	
4	THV000718	063441618	TRẦN VŨ TUẤN ANH	11/08/1994	Nam		x					x	x	
5	THV000992	063468238	THÁI VĂN BIÊN	05/02/1990	Nam		x					x	x	
6	THV001103	132166495	BÙI CÔNG BỘ	06/10/1993	Nam		x					x	x	
7	THV001122	063303931	ĐỖ ĐỨC CẢNH	07/03/1992	Nam		x					x	x	
8	THV001216	045137651	LIỀU A CHÂU	02/08/1996	Nam		x					x	x	
9	THV001293	063433756	PHẠM THỊ HUỆ CHI	01/12/1996	Nữ		x					x	x	
10	THV001330	131184216	LÊ VĂN CHIẾN	16/02/1985	Nam		x					x	x	
11	THV001527	063265122	NGUYỄN VĂN CHUNG	28/09/1991	Nam		x					x	x	
12	THV001605	045150894	LÒ VĂN CÔNG	19/03/1995	Nam		x					x	x	
13	THV001629	060975802	PHẠM BẰNG QUỐC CÔNG	23/02/1995	Nam		x					x	x	
14	THV001682	132287125	VŨ XUÂN CƯ	19/10/1994	Nam		x					x	x	
15	THV001797	132341240	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	06/06/1996	Nam		x					x	x	
16	THV001896	063385430	TRÁNG SEO DÂN	17/03/1992	Nam		x					x	x	
17	THV001971	073339107	VỪ MÍ DÍNH	16/08/1995	Nam		x					x	x	
18	THV002001	063469490	NGUYỄN VĂN DU	12/10/1993	Nam		x					x	x	
19	THV002160	131450468	ĐỖ TIẾN DŨNG	24/05/1986	Nam		x					x	x	
20	THV002173	132109329	ĐẶNG NGUYỄN DŨNG	30/04/1996	Nam		x					x	x	
21	THV002326	063416693	ĐẬU XUÂN DUY	20/09/1996	Nam		x					x	x	
22	THV002630	184102545	NGUYỄN VĂN ĐẠI	10/03/1992	Nam		x					x	x	
23	THV002746	132341368	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/04/1996	Nam		x					x	x	
24	THV002888	174951971	HÀ VĂN ĐÓN	27/11/1995	Nam		x					x	x	
25	THV014511	045162418	HÀ TRỌNG TUẤN	08/03/1997	Nam	x	x					x	x	
26	THV014516	061066563	HOÀNG MINH TUẤN	02/01/1997	Nam	x	x					x	x	
27	THV014580	132239456	NGUYỄN ANH TUẤN	20/07/1996	Nam	x			x	x	x			

28	THV014588	132310422	NGUYỄN ANH TUẤN	27/07/1996	Nam	x			x	x	x			
29	THV014598	061021358	NGUYỄN HỮU TUẤN	02/01/1997	Nam	x	x					x	x	
30	THV014607	061030313	NGUYỄN MẠNH TUẤN	19/04/1996	Nam	x			x	x	x			
31	THV014629	132275968	NGUYỄN VĂN TUẤN	10/10/1996	Nam	x			x	x	x			
32	THV014633	063501766	NGUYỄN VĂN TUẤN	28/07/1997	Nam	x	x					x	x	
33	THV014642	045177997	PHẠM ANH TUẤN	07/05/1997	Nam	x	x					x	x	
34	THV014655	073347031	SÙNG HÙNG TUẤN	05/06/1996	Nam	x				x	x			
35	THV014658	063443416	TẢI SUẨN TUẤN	13/03/1996	Nam	x	x					x	x	
36	THV014666	063455010	TRẦN ANH TUẤN	27/09/1997	Nam	x	x					x	x	
37	THV014673	063413782	TRẦN THANH TUẤN	05/04/1997	Nam	x	x					x	x	
38	THV014681	132325058	TRƯƠNG NGỌC TUẤN	19/01/1996	Nam	x				x	x			
39	THV014693	132302568	VŨ ANH TUẤN	30/09/1997	Nam	x	x					x	x	
40	THV014739	061068474	ĐINH THANH TÙNG	18/06/1996	Nam	x			x	x	x			
41	THV014744	045158305	HỎ VĂN TÙNG	10/06/1996	Nam	x			x	x	x			
42	THV014750	061000982	HOÀNG NHẬT TÙNG	26/06/1996	Nam	x			x	x	x			
43	THV014766	135834828	LÝ THANH TÙNG	12/03/1997	Nam	x	x					x	x	
44	THV014825	168597864	TRẦN BÁ TÙNG	04/06/1997	Nam	x	x					x	x	
45	THV014850	063413624	LÙ VĂN TUYÊN	28/03/1997	Nam	x	x					x	x	
46	THV014852	045162325	MAI NGỌC TUYÊN	20/12/1996	Nam	x			x	x	x			
47	THV014873	063447742	NGUYỄN THỊ TUYỀN	23/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
48	THV014880	122241937	VI VĂN TUYỀN	04/01/1996	Nam	x			x	x	x			
49	THV014883	060967502	HOÀNG THẾ TUYỀN	28/04/1992	Nam	x				x	x			
50	THV014884	063504115	NGUYỄN VĂN TUYỀN	20/10/1997	Nam	x	x					x	x	
51	THV014891	063482106	ĐỖ THỊ TUYẾN	10/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
52	THV014894	061066361	HÀ THỊ TUYẾN	19/02/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 52 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0309
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV001801	061014152	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	06/04/1996	Nam		x					x	x	
2	THV002042	061014042	HOÀNG THỊ DUNG	21/04/1996	Nữ		x					x	x	
3	THV002196	060961639	HOÀNG VĂN DŨNG	20/01/1995	Nam		x					x	x	
4	THV002872	061046034	HOÀNG THỊ ĐOÀI	27/12/1996	Nữ		x					x	x	
5	THV002874	132124595	BÙI TIẾN ĐOÀN	19/03/1990	Nam		x					x	x	
6	THV002880	121987353	LÊ VĂN ĐOÀN	19/12/1993	Nam		x					x	x	
7	THV014898	063431835	LÊ THỊ KIM TUYẾN	01/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
8	THV014902	063450549	NGUYỄN THỊ TUYẾN	06/11/1996	Nữ	x	x					x	x	
9	THV014907	132317086	TRẦN KIM TUYẾN	04/07/1996	Nam	x			x	x	x			
10	THV014908	132277935	TRẦN THỊ TUYẾN	04/09/1996	Nữ	x				x	x			
11	THV014914	MI0800056569	ĐỖ THỊ TUYẾT	05/08/1996	Nữ	x	x					x	x	
12	THV014918	045187335	HẠNG ÁNH TUYẾT	02/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
13	THV014933	063443452	NÔNG THỊ TUYẾT	07/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
14	THV014936	063498816	TRẦN ÁNH TUYẾT	25/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
15	THV014940	063443956	VƯƠNG THỊ TUYẾT	06/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
16	THV014947	164552421	NGUYỄN THỊ TƯ	12/08/1995	Nữ	x	x					x	x	
17	THV014951	063464665	VƯƠNG NGỌC TƯ	20/03/1997	Nam	x	x					x	x	
18	THV014953	063492284	HOÀNG NGỌC TỨ	15/05/1997	Nam	x	x					x	x	
19	THV014954	132190708	NGUYỄN VĂN TỨ	02/06/1993	Nam	x			x	x	x			
20	THV014966	045112175	LƯỜNG THỊ TƯƠI	05/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
21	THV014970	063437795	PHẠM THỊ TƯƠI	16/02/1997	Nữ	x	x					x	x	
22	THV014974	061034035	VŨ THỊ THANH TƯƠI	15/02/1997	Nữ	x	x					x	x	
23	THV014978	132240935	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	20/01/1996	Nam	x				x	x			
24	THV014985	132331583	NGUYỄN THỊ ÚT	05/03/1996	Nữ	x				x	x			
25	THV014992	063464597	CHU THỊ THU UYÊN	13/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
26	THV014996	132103549	ĐINH THỊ TỐ UYÊN	13/09/1996	Nữ	x	x					x	x	

27	THV014998	061068346	HÀ THỊ UYÊN	11/02/1997	Nữ	x	x					x	x	
28	THV015033	061033332	PHẠM THỊ LÂM UYÊN	13/12/1996	Nữ	x			x	x	x			
29	THV015041	061064701	TRẦN THỊ UYÊN	10/03/1996	Nữ	x			x	x	x			
30	THV015046	063437711	VÀNG THỊ UYÊN	17/02/1997	Nữ	x	x					x	x	
31	THV015050	061022456	TRIỆU THỊ UYỂN	04/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
32	THV015051	063471030	HOÀNG VĂN UYN	07/11/1997	Nam	x	x					x	x	
33	THV015055	061027429	GIÀNG THỊ VANG	08/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
34	THV015058	063449555	NGƯ THỊ VANG	02/12/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 34 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0310
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV015059	063503023	TRIỆU THỊ VANG	28/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
2	THV015063	063445855	CƯ SEO VẢNG	19/12/1997	Nam	x	x					x	x	
3	THV015067	063415753	HẢNG SEO VẢNG	17/01/1996	Nam	x				x	x			
4	THV015068	063443333	LỒ SEO VẢNG	12/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
5	THV015070	063475390	LY A VẢNG	17/10/1997	Nam	x	x					x	x	
6	THV015071	063497914	SÙNG SEO VẢNG	10/06/1997	Nam	x	x					x	x	
7	THV015072	063475546	GIÀNG THỊ VÁNG	12/07/1996	Nữ	x	x					x	x	
8	THV015074	132273397	ĐIÊU TRUNG VĂN	01/10/1996	Nam	x			x	x	x			
9	THV015077	045162682	HOÀNG ĐÌNH VĂN	13/10/1996	Nam	x	x					x	x	
10	THV015078	063471177	LÝ NGỌC VĂN	12/08/1996	Nam	x	x					x	x	
11	THV015091	132239034	CHỬ THỊ VÂN	14/06/1996	Nữ	x			x	x	x			
12	THV015092	061054742	CHU THỊ VÂN	25/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
13	THV015097	063439514	ĐÀO PHẠM DIỆU VÂN	06/08/1996	Nữ	x			x	x	x			
14	THV015099	132301169	ĐINH THỊ NGỌC VÂN	21/11/1996	Nữ	x				x	x			
15	THV015105	063449584	ĐẶNG THỦY VÂN	26/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
16	THV015106	063471167	ĐOÀN THỊ VÂN	14/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
17	THV015118	045177371	LÒ THỊ VÂN	28/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
18	THV015121	061068366	LÝ THỊ VÂN	18/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
19	THV015128	132302353	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	07/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
20	THV015139	132249040	NGUYỄN THỊ VÂN	09/06/1995	Nữ	x				x	x			
21	THV015142	063482837	NGUYỄN THỊ VÂN	15/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
22	THV015143	063464606	NGUYỄN THỊ VÂN	19/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
23	THV015146	063458641	PHẠM HỒNG VÂN	11/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
24	THV015159	063445389	SÙNG VĂN VÂN	21/02/1997	Nam	x	x					x	x	
25	THV015161	132337152	THIỀU THỊ VÂN	08/09/1996	Nữ	x				x	x			
26	THV015175	063443763	VÙI THỊ ÁNH VÂN	24/08/1997	Nữ	x	x					x	x	
27	THV015177	063475415	SÙNG SEO VẦN	20/09/1994	Nam	x	x					x	x	

28	THV015178	063447494	ĐÀO MINH VẤN	01/03/1997	Nam	x	x					x	x	

Danh sách này có: 28 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0311
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV015179	063453770	VI THỊ VẤN	17/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
2	THV015182	063420385	GIÀNG THỊ VỀ	04/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
3	THV015185	061027427	SÙNG THỊ VI	05/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
4	THV015192	063487036	HOÀNG THỊ VIÊN	05/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
5	THV015193	063499426	LÒ VĂN VIÊN	19/06/1997	Nam	x	x					x	x	
6	THV015195	063345563	VANG THỊ VIÊN	05/02/1994	Nữ	x			x	x	x			
7	THV015196	MI0800074387	LÈNG VĂN VIỀN	24/04/1997	Nam	x	x					x	x	
8	THV015202	045184749	LÒ VĂN VIỆN	19/04/1994	Nam	x	x					x	x	
9	THV015225	132355024	NGÔ QUỐC VIỆT	29/09/1996	Nam	x			x	x	x			
10	THV015235	063496810	NGUYỄN QUỐC VIỆT	02/10/1997	Nam	x	x					x	x	
11	THV015244	060994305	NGUYỄN TUẤN VIỆT	24/09/1996	Nam	x				x	x			
12	THV015260	063464642	VƯƠNG THỊ VIỆT	20/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
13	THV015293	061022861	NÔNG THÀNH VINH	20/02/1996	Nam	x	x					x	x	
14	THV015294	063453820	NÔNG VĂN VINH	12/11/1996	Nam	x	x					x	x	
15	THV015312	045172805	LÒ THỊ VƠ	01/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
16	THV015319	061077128	ĐÀM NGỌC VŨ	28/07/1997	Nam	x	x					x	x	
17	THV015320	132283948	ĐINH CÔNG VŨ	19/05/1995	Nam	x			x	x	x			
18	THV015323	061051042	HOÀNG ANH VŨ	06/11/1997	Nam	x	x					x	x	
19	THV015339	132337137	NGUYỄN ĐỨC VŨ	22/12/1996	Nam	x			x	x	x			
20	THV015368	061030608	TRIỆU SINH VŨ	09/07/1997	Nam	x	x					x	x	
21	THV015381	135920050	BẠCH THỊ VUI	08/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
22	THV015384	045172482	HÀ THỊ VUI	22/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
23	THV015393	063493427	CHU THỊ VƯƠN	07/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
24	THV015398	132386375	ĐINH QUỐC VƯƠNG	17/04/1997	Nam	x	x					x	x	
25	THV015405	132303604	NGUYỄN MINH VƯƠNG	27/02/1997	Nam	x	x					x	x	
26	THV015409	045192147	TẠ THỊ VƯƠNG	22/01/1997	Nữ	x	x					x	x	
27	THV015413	063458825	VÀNG THỊ VƯƠNG	30/05/1997	Nữ	x	x					x	x	

28	THV015435	063498756	PHÀ THÓ XA	12/08/1997	Nam	x	x					x	x	

Danh sách này có: 28 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi

- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.

- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0312

Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV015440	063453788	LA THỊ XANH	09/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
2	THV015441	045159821	MAO VĂN XANH	22/11/1997	Nam	x	x					x	x	
3	THV015444	063456406	TÂN THỊ XE	05/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
4	THV015447	063443449	LÒ DÌN XÉNG	19/01/1997	Nam	x	x					x	x	
5	THV015448	061068335	GIÀNG A XÈ	13/04/1996	Nam	x	x					x	x	
6	THV015450	061038810	HOÀNG THỊ XIÊM	04/11/1996	Nữ	x				x	x			
7	THV015452	063464157	HOÀNG THỊ XIM	04/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
8	THV015453	063443212	MA SEO XÍN	13/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
9	THV015458	063443448	LÙ THỊ XOA	07/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
10	THV015463	063443414	HOÀNG CHÂN XOÁNG	22/11/1997	Nam	x	x					x	x	
11	THV015464	061041018	GIÀNG A XU	19/02/1996	Nam	x	x					x	x	
12	THV015466	045134697	HÀNG A XÚA	09/12/1997	Nam	x	x					x	x	
13	THV015467	063469441	MÀ THỊ XÚA	27/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
14	THV015468	061050343	BÙI ĐÀO XUÂN	05/05/1997	Nữ	x	x					x	x	
15	THV015469	061011053	CÙ THỊ XUÂN	20/08/1994	Nữ	x				x	x			
16	THV015470	045156058	ĐỖ THỊ THANH XUÂN	09/04/1997	Nữ	x	x					x	x	
17	THV015473	063458710	ĐINH THỊ XUÂN	15/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
18	THV015486	060930553	LÊ THỊ THANH XUÂN	01/07/1993	Nữ	x			x	x	x			

Danh sách này có: 18 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi
- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.
- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG THI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CẤP THẺ DỰ THI
Phòng thi: 0313
Địa điểm: 011

TT	SBD	Số CMND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Môn thi								Ký nhận
						Toán	Ngữ Văn	NN	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa	
1	THV015488	045199670	LÒ VĂN XUÂN	12/06/1997	Nam	x	x					x	x	
2	THV015499	063406024	NÔNG THỊ THANH XUÂN	18/02/1996	Nữ	x			x	x	x			
3	THV015502	045131296	TẨN A XUÂN	27/04/1995	Nam	x	x					x	x	
4	THV015508	132238149	TRẦN VĂN XUÂN	21/01/1996	Nam	x			x	x	x			
5	THV015515	063443412	VÀNG SEO XUẤN	09/03/1997	Nam	x	x					x	x	
6	THV015516	045172463	LÒ THỊ XUYÊN	10/11/1997	Nữ	x	x					x	x	
7	THV015520	063435151	HÀ THỊ XUYẾN	16/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
8	THV015524	061069666	NGÔN THỊ XUYẾN	18/04/1996	Nữ	x				x	x			
9	THV015526	045192106	NGUYỄN THỊ XUYẾN	21/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
10	THV015528	061076294	VƯƠNG THỊ XUYẾN	20/07/1997	Nữ	x	x					x	x	
11	THV015537	045172370	LÒ PHƯƠNG YÊN	20/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
12	THV015538	045151597	LÒ THỊ YÊN	04/06/1997	Nữ	x	x					x	x	
13	THV015542	063503763	NGUYỄN THỊ YÊN	11/12/1997	Nữ	x	x					x	x	
14	THV015589	045190659	LƯỜNG THỊ YẾN	11/03/1997	Nữ	x	x					x	x	
15	THV015606	061000354	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	01/05/1996	Nữ	x				x	x			
16	THV015640	063450382	TRẦN HẢI YẾN	03/09/1997	Nữ	x	x					x	x	
17	THV015645	063495278	TRẦN THỊ HẢI YẾN	15/10/1997	Nữ	x	x					x	x	
18	THV015657	061050347	LÝ THỊ YẾT	07/07/1997	Nữ	x	x					x	x	

Danh sách này có: 18 thí sinh.

....., ngày 11 tháng 06 năm 2015
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:
1. Danh sách này được lập thành 2 bản theo Danh sách thí sinh của Hội đồng coi thi
- Một bản niêm yết trước cửa mỗi phòng thi một ngày trước khi bắt đầu thi.
- Một bản giao cho giám thị coi thi để gọi tên thí sinh vào phòng thi trước mỗi buổi thi.